



Tên Công ty đại chúng:

CTY CỔ PHẦN XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: 2045 Trần Hưng Đạo, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 84 2963 932963 Fax: 84 2963 932981

E-mail: xnknstpagg@hcm.vnn.vn – Website: www.afiex.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG:	3
I.1. Thông tin khái quát:	3
I.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	4
I.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:	5
I.4. Định hướng phát triển:	7
I.5. Các rủi ro chính trong hoạt động của doanh nghiệp:	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:	9
II.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:	9
II.2. Tổ chức và nhân sự:	11
II.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:	16
II.4. Tình hình tài chính:	17
II.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi đầu tư của chủ sở hữu:	18
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:	19
III.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:	19
III.2. Tình hình tài chính:	22
III.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:	23
III.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:	24
III.5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty:	30
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:	30
IV.1. Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Cty:	30
IV.2. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý của Công ty:	31
IV.3. Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị:	32
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:	33
V.1. Hội đồng quản trị:	33
V.2. Ban kiểm soát:	34
V.3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:	35
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:	37



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: CÔNG TY CP XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
Năm báo cáo: 2017

I. THÔNG TIN CHUNG:

I.1. Thông tin khái quát:

- **Tên giao dịch: Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang**

- **Tên tiếng Anh: An Giang Agriculture and Foods Import – Export Joint Stock Company**

- **Tên viết tắt: AFIEX**

- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** số 1600194461 do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 14 tháng 07 năm 2011; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 05 năm 2013; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 05 năm 2014; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 06 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 12 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 04 năm 2017.

- **Vốn điều lệ** : 350.000.000.000 VND

- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu** : 350.000.000.000 VND

- **Trụ sở chính** : số 2045 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- **Điện thoại** : (0296) 3932 963

- **Fax** : (0296) 3932 981

- **E-mail** : xnknstpagg@hcm.vnn.vn

- **Website** : <http://www.afix.com.vn>

- **Mã cổ phiếu** : AFX

- **Quá trình hình thành và phát triển:**

Được thành lập năm 1990 theo Quyết định số 71/QĐ.UB.TC ngày 10/02/1990 của UBND tỉnh An Giang với tên gọi Công ty XNK Nông Thủy sản An Giang, hoạt động theo loại hình doanh nghiệp nhà nước. Đổi tên và thành lập lại với tên gọi Công ty XNK Nông sản Thực phẩm An Giang theo Quyết định số

01944
NG T
CP
NHẬP K
N THỰC
GIANG
EN-T



gạo cao cấp...cho các thị trường Châu Á, Châu Phi, Trung Đông... Năng lực kho chứa (qui gạo) 90.000 Tấn, công suất chế biến xát trắng và lau bóng gạo 200.000 Tấn/năm, tách hạt khác màu 40.000 Tấn/năm, sấy lúa công nghiệp 50.000 Tấn/năm, xay xát lúa 36.000 Tấn/năm

I.2.2. Địa bàn kinh doanh:

- Thị trường trong nước: Chủ yếu ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long, TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh thành khác trên cả nước.

- Hoạt động xuất khẩu – nhập khẩu chủ yếu:

+ Xuất khẩu: Gạo, nông sản cho các thị trường Châu Á và Châu Phi.

+ Nhập khẩu: Nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc, thuốc thú y ở các thị trường Châu Mỹ Latin, Châu Á và Châu Âu....

I.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

I.3.1. Mô hình quản trị:

Theo loại hình Công ty Cổ Phần bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát, Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc. Trong đó:

- **Đại Hội đồng Cổ Đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý, có thẩm quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Số thành viên của HĐQT gồm 07 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm.

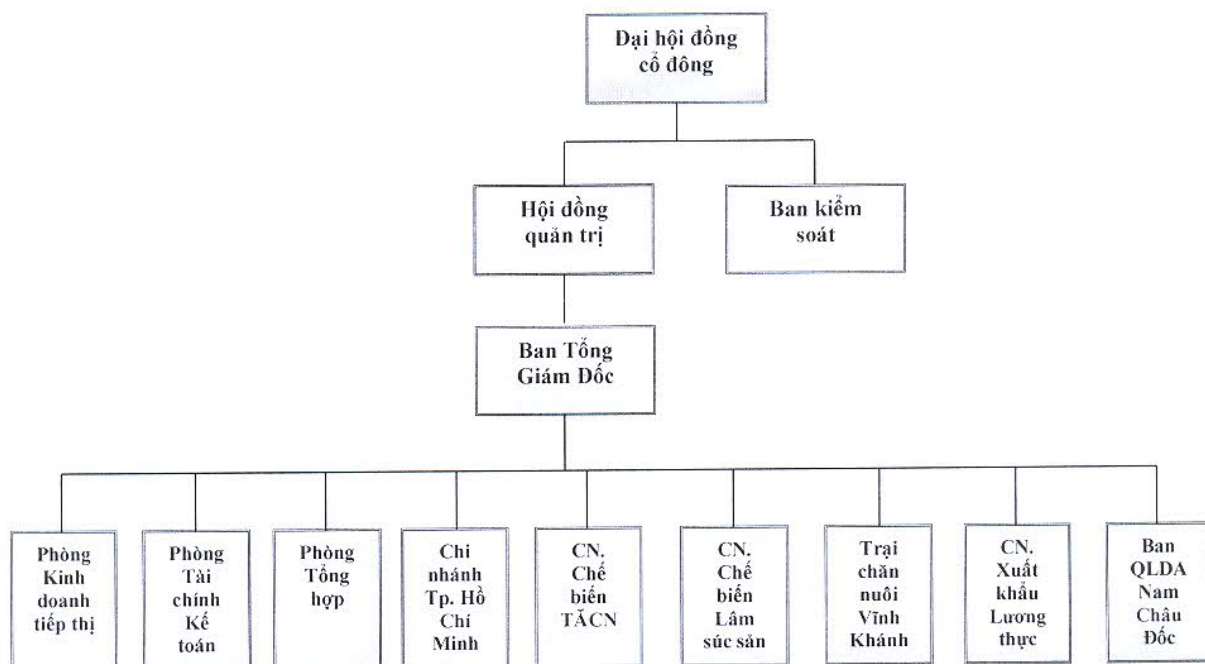
- **Ban Kiểm soát:** là cơ quan trực thuộc Đại Hội Đồng Cổ Đông, do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Ban Kiểm Soát bao gồm những người thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- **Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc:** là bộ máy quản lý chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Công ty, nhằm thực hiện các nghị quyết, các kế hoạch kinh doanh và đầu tư của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

I.3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CP XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG



- Các đơn vị trực thuộc Công ty:

Trụ sở chính Công Ty CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Địa chỉ: 2045 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Thới, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3932 963–(84.296) 3932 985 -Fax: (84.296) 3 932 981

CN CTy CP XNK NSTP An Giang tại Thành Phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 421/35 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 38621 041 - Fax: (84.28) 38621 092.

CN Cty CP XNK NSTP An Giang - Xuất Khẩu Lương Thực

Địa chỉ: Đường Nguyễn Công Hoan, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3834 295–(84.296) 3834 410 - Fax: (84.296) 3834 409.

CN CTy CP XNK NSTP An Giang - Xí nghiệp Thức Ăn Chăn Nuôi Thủy Sản

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, P.Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3831 540 - Fax: (84.296) 3831 230.



CN CTy CP XNK NSTP An Giang - Trại Chăn Nuôi Vĩnh Khánh

Địa chỉ: Tỉnh Lộ 943, Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3736 306 - Fax: (84.296) 3891 370.

CN CTy CP XNK NSTP An Giang - Xí Nghiệp Chế Biến Lâm Súc Sản

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, Đông Thạnh B, Phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3834 146 - Fax: (84.296) 3834 146.

Ban Quản Lý Dự Án Khu Dân Cư Trung Tâm TM Nam Châu Đốc

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, Xã Mỹ Đức, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3575 115 I Fax: (84.296) 3575 790.

I.3.3. Công ty liên doanh, liên kết:

Danh sách tên các CTy liên doanh	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Tr.đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Aflix
CTy TNHH TM Sài Gòn - An Giang	Số 12 Nguyễn Huệ - Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh siêu thị	46.000	15%
CTy TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	Tổ 21, Khóm Châu Quới 3, Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc, Tỉnh An Giang	Kinh doanh siêu thị	75.000	25%

(Xin xem thêm thuyết minh ở phần II, khoản 3 “Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án”, mục 3.2 “Công ty liên doanh, liên kết”).

I.4. Định hướng phát triển :

- **Mục tiêu chủ yếu:** Tái cơ cấu toàn diện hoạt động Công ty, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và tăng trưởng ổn định, đa dạng hóa mặt hàng, sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng khắc khe của thị trường; tăng cường hoạt động marketing, nghiên cứu mở rộng quy mô, phạm vi kinh doanh nhằm tối ưu hóa lợi nhuận cho Công ty và cổ đông.

- **Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn:** thực hiện theo Đề án Tái cơ cấu hoạt động của Công ty giai đoạn 2016 – 2020 đã được ĐHDCĐ bất thường ngày 16/12/2016 biểu quyết thống nhất thông qua với mục tiêu khẩn trương cắt lỗ, kinh doanh có lãi, từ năm 2018 trở đi Công ty có thể chia được cổ

tức cho cổ đông. Để đạt được mục tiêu trên, Công ty tiếp tục thực hiện các nhóm giải pháp tái cơ cấu: tái cơ cấu hoạt động, tái cơ cấu tài sản, tái cơ cấu tài chính, các giải pháp hỗ trợ khác.

- **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:** chú trọng cải tiến đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, nguyên vật liệu và giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường. Hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

I.5. Các rủi ro chính trong hoạt động của doanh nghiệp:

I.5.1. Rủi ro kinh tế:

Ảnh hưởng thương mại toàn cầu, tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, các chính sách tài chính, tín dụng ... tác động lớn đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

I.5.2. Rủi ro tỷ giá, lãi suất:

- Rủi ro tỷ giá: biến động về tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu hoạt động của Công ty, cả lĩnh vực xuất khẩu và nhập khẩu.

- Rủi ro lãi suất: biến động lãi suất ảnh hưởng đến lãi vay, tác động trực tiếp đến chi phí và lợi nhuận.

I.5.3. Rủi ro về kinh doanh:

- Rủi ro về thị trường tiêu thụ: biến động cung cầu, áp lực cạnh tranh về nguồn cung và giá bán đến từ các nước và doanh nghiệp cùng ngành, sự thay đổi chính sách nhập khẩu, các rào cản phi thuế quan gia tăng, nhất là yêu cầu ngày càng cao về các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của các nước nhập khẩu. Trong đó, những nước tham gia các hiệp định tự do thương mại (FTA) với Việt Nam sẽ đặt ra nhiều hơn nữa các rào cản kỹ thuật trong thời gian tới... ảnh hưởng lớn đến thị trường tiêu thụ của Công ty.

- Rủi ro tài chính: trong điều kiện kinh tế khó khăn làm gia tăng nguy cơ các doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, xuất hiện những rủi ro phát sinh từ các khoản phải thu, các khoản ứng trước với khách hàng.

- Rủi ro về giá: biến động giá mua, giá bán đều ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh, đặc biệt là nguyên liệu nhập khẩu, giá tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi và giá lương thực xuất khẩu.



I.5.4. Rủi ro khách quan khác:

- Rủi ro về biến đổi khí hậu, tình trạng xâm nhập mặn, ô nhiễm môi trường, thoái hoá đất làm năng suất và chất lượng lúa gạo vùng ĐBSCL trong những năm tới bị giảm sút. Rủi ro về dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản ảnh hưởng đến giá cả sản phẩm chăn nuôi và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi.

- Rủi ro từ sự thay đổi hoặc không ổn định của Chính sách Nhà nước, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

II.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

II.1.1. Những thuận lợi cơ bản:

- Tập trung thực hiện Đề án tái cơ cấu (ĐATCC) đã được ĐHCĐ thông qua, tăng cường quản lý, điều hành để giữ ổn định hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, khai thác các thay đổi tích cực của thị trường để thúc đẩy tăng trưởng các ngành nghề có lợi thế, bù đắp suy giảm cho các lĩnh vực gặp khó khăn.

- Đạt được kết quả bước đầu trong triển khai thực hiện ĐATCC hoạt động Công ty, nhất là các giải pháp tái cơ cấu tài sản, sắp xếp tinh giản bộ máy (lao động giảm trong năm là 182 người, trong đó, giảm theo phương án TCC là 142 người) đã góp phần cải thiện khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.

- Các yếu tố thuận lợi của thị trường cùng với nỗ lực chủ quan trong việc giám sát, kiểm soát nguyên vật liệu tồn kho, giá thành, giá bán và chính sách bán hàng trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã duy trì được hiệu quả. Bên cạnh việc thanh lý thành công Nhà máy Đông lạnh Thủy sản góp phần đưa lợi nhuận cả năm tăng nhiều so kế hoạch đầu năm.

- Hoạt động liên doanh Co.opMart Long Xuyên tiếp tục phát huy hiệu quả. Lợi nhuận được chia năm 2016 góp phần bổ sung lợi nhuận toàn Công ty.

- Giữ ổn định các lĩnh vực hoạt động khác, kiểm soát và thực hiện các giải pháp giảm lỗ đối với các hoạt động/đơn vị gặp khó khăn trong năm.

II.1.2. Những khó khăn chủ yếu:

- Ngành kinh doanh lương thực vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân chủ yếu do bất lợi của thị trường xuất khẩu, dẫn đến sản lượng sản xuất và tiêu thụ mặt hàng này suy giảm mạnh. Doanh thu giảm, chi phí cố định cao nên phát sinh lỗ.



- Do bất lợi của tình hình chăn nuôi, giá cả sản phẩm chăn nuôi giảm thấp kéo dài và cường độ cạnh tranh gia tăng trong ngành nên doanh thu, sản lượng tiêu thụ thức ăn chăn nuôi giảm sút, gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động dịch vụ giao nhận hàng hóa nhập khẩu (chủ yếu là nguyên liệu TĂGS).

- Ngoài khó khăn về kinh doanh, Công ty phải thực hiện phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh hàng năm trên 5,6 tỷ đồng, tạo thêm áp lực về tình hình tài chính.

*** Tình hình thực hiện so kế hoạch năm 2017:**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu so sánh	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2017 (Thanh lý được NMDLTS)	So sánh TH/KH
Tổng giá trị tài sản	403.651		
+ Tài sản ngắn hạn	224.732		
+ Tài sản dài hạn	178.919		
Tổng doanh thu thuần	921.018	1.298.653	71%
Tổng chi phí	896.603	1.281.907	70%
Lợi nhuận trước thuế	24.415	16.746	146%
Lợi nhuận sau thuế	23.088	16.746	138%
Lãi cơ bản/CP (đồng)	659,67	478,46	138%

Doanh thu thực hiện năm 2017 chỉ đạt 71% so với kế hoạch năm, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ khó khăn chung của ngành gạo trong bối cảnh hiện nay, sản lượng xuất khẩu suy giảm đáng kể. Các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh khác cũng gặp khó khăn về thị trường cạnh tranh khốc liệt, dẫn đến doanh thu sụt giảm như: tiêu thụ thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi heo, cá, hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, mặt khác cũng có những ảnh hưởng nhất định trong giai đoạn tái cơ cấu hoạt động Công ty.

Mặc dù doanh thu, sản lượng sụt giảm nhưng hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty có bước chuyển biến tích cực so với cùng kỳ. Cụ thể, so với kế hoạch được ĐHCĐ 2017 giao, Công ty thực hiện lợi nhuận trước thuế tăng 146%, lợi nhuận sau thuế tăng 138%. Nguyên nhân chính là do Công ty thực hiện thành công việc thanh lý nhà máy đông lạnh thủy sản theo Đề án tái cơ cấu, kịp thời cắt lỗ, sắp xếp lại sản xuất và lao động để tiết giảm được định phí,... đã mang lại lợi nhuận trên 17 tỷ đồng.

16001
CÔNG
C
ẤT NH
NG SÀN
ANG
XUYÊ

II.2. Tổ chức và nhân sự:

II.2.1. Danh sách Ban điều hành tại thời điểm 31/12/2017:

S T T	Họ và Tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết	Tổng số cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Thanh Xuân	Tổng Giám Đốc - Thành viên HĐQT	10,23%	3.582.200
2	Phạm Ngọa Long	Phó Tổng Giám Đốc - Thành viên HĐQT	10,23%	3.578.900
3	Trần Xuân Phúc	Phó Tổng Giám Đốc - Thành viên HĐQT	0,06%	21.800
5	Trần Kim Uyên	Kế Toán Trưởng Công Ty	0,11%	40.200

(*) Xin xem thêm thuyết minh phần V “Quản trị Công ty”, mục 1: Hội đồng quản trị

- Tóm tắt lý lịch cá nhân:

Họ và tên: : NGUYỄN THANH XUÂN

Giới tính: : Nam

Ngày, tháng, năm sinh: : 24/02/1967

Nơi sinh : Mỹ Hiệp, Chợ Mới, An Giang

CMND : 350724248 ngày cấp 06/09/2004, nơi cấp: Công An An Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 1852 Trần Hưng Đạo, Tp. Long Xuyên, An Giang

Số điện thoại liên lạc: : 0913877037

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Kinh Tế - Tài Chính kế toán

Quá trình công tác: : - Tháng 12/1987 - 12/1989: Công tác tại CTy Xây Dựng Huyện Chợ Mới - An Giang

- Tháng 1/1990 - năm 1997: Công tác tại CTy XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

- Từ năm 1997 - tháng 02/2010: Giám đốc Xi Nghiệp Xuất Khẩu Lương Thực (trực thuộc Công

9446
G TY
P
ÁP KH
HỨC PH
IANG
- T. 1

ty AFiEX)

- Từ Tháng 03/2010 đến tháng 3/2011: Phó Tổng Giám Đốc CTy XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

- Từ tháng 4/2011 đến tháng 6/2016: Phó Tổng Giám Đốc CTy CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty Afíex : - Thành viên Hội đồng quản trị
- Tổng Giám đốc Công ty

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) : 3.582.200

+ Trong đó:Cá nhân sở hữu : 82.200

Họ và tên: : **PHẠM NGỌA LONG**

Giới tính: : Nam

Ngày tháng năm sinh: : 28/04/1963

Nơi sinh : Châu Phú B, TX. Châu Đốc, An Giang

CMND : 350049624 ngày cấp 08/11/2005, nơi cấp: Công An An Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 34A, Bùi Văn Danh, Phường Đông Xuyên, Tp. Long Xuyên, An Giang

Số điện thoại liên lạc: : 0913971998

Trình độ chuyên môn: : Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác: : - Tháng 04/1986 - 12/1989: Kế toán tổng hợp XN Đông Lạnh Thủy sản, trực thuộc CTy XNK Thủy Sản Tỉnh An Giang
- Tháng 01/1990 - 12/1995: Phó phòng kế toán



CTy XNK Nông Thủy Sản An Giang
- Tháng 01/1996 - tháng 3/2011: Kế toán trưởng
CTy XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang
- Từ tháng 4/2011 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc
CTy CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Các chức vụ công tác : - Thành viên Hội đồng quản trị
hiện nay tại Cty Afíex - Phó Tổng Giám đốc Công ty

Các chức vụ hiện đang : Không
nắm giữ tại tổ chức khác

Số CP nắm giữ (tại thời : 3.578.900
điểm hiện nay)

+ Trong đó:Cá nhân sở : 78.900
hữu

Họ và tên : **Trần Xuân Phúc**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 07/04/1966
Nơi sinh : Thừa Thiên - Huế
CMND : 350797532 Cấp ngày 15/3/2012 tại CA An
Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 494C/25 Quận Cơ Thành, Bình Khánh,
TP.LX, An Giang
Số điện thoại liên lạc: : 0913971073
Trình độ chuyên môn: : Đại Học chính quy ngành Trồng Trọt
Quá trình công tác: : - Tháng 11/1987 - tháng 10/1989 : Cán bộ Kỹ
thuật-Cty Dịch vụ KTNN Thị xã Long
Xuyên- An Giang.
: - Tháng 03/1991 - tháng 06/1993 : Nhân viên
Cung ứng Cửa hàng bách hóa Tổng hợp -
CTy XNK Nông Thủy Sản An Giang.
: - Tháng 07/1993 - tháng 12/1995 : Tổ trưởng
Tổ Cung ứng Phân xưởng CB Lương thực -
CTy XNK Nông Thủy Sản An Giang.
: - Tháng 01/1996 - tháng 02/1998 : Phó Quản



độc Phân xưởng CB Lương thực - CTy XNK
Nông sản Thực phẩm An Giang.
: - Tháng 03/1998 - tháng 08/2000 : Phó Giám
độc Xí nghiệp XK Lương thực - CTy XNK
Nông sản Thực phẩm An Giang.
- Tháng 09/2000 - tháng 3/2011: Phó Giám
độc Chi Nhánh XK Lương thực - CTy XNK
Nông sản Thực phẩm An Giang
-Tháng 4/2011 - tháng 06/2016 : Phó Giám
độc Chi Nhánh XK Lương thực - CTy CP
XNK Nông sản Thực phẩm An Giang.
- Tháng 07/2016 đến nay : Phó Tổng Giám
độc CTy CP XNK Nông sản Thực phẩm An
Giang.
Các chức vụ công tác : Phó Tổng Giám đốc Công ty
hiện nay tại Cty Aflix
Các chức vụ hiện đang : Không
nắm giữ tại tổ chức
khác
Số CP nắm giữ (tại thời : 21.800
điểm hiện nay)
+ Trong đó: Cá nhân sở : 21.800
hữu

Họ và tên: : **TRẦN KIM UYÊN**
Giới tính: : Nữ
Ngày tháng năm sinh: : 01/04/1966
Nơi sinh: : Châu Phú - Châu Đốc – An Giang
CMND : 350648588 ngày cấp 24 tháng 10 năm 2009, nơi
cấp An Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 63 Chi Lăng, Khóm 5, Phường Châu Phú A,
Thị Xã Châu Đốc, An Giang
Số điện thoại liên lạc : 0903851532



Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác : - Tháng 01/1986 - 12/1989: Công tác tại Cty Thủy sản An Giang

- Tháng 01/1990 - 08/1990: Công tác Ban thanh lý Công nợ Công ty Thủy sản An Giang

- Tháng 09/1990 - 12/1995: Công tác tại Công ty XNK Nông Thủy sản An Giang

- Tháng 01/1996 - 03/2011 Công tác tại Công ty XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

- Tháng 04/2011 đến nay Công tác tại Công ty Cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty Aflix : Kế toán trưởng Công Ty

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) : 40.200

+ Trong đó: Cá nhân sở hữu : 40.200



II.2.2.Những thay đổi trong ban điều hành: Không có.

II.2.3.Số lượng cán bộ, công nhân viên và các chính sách đối với người lao động:

- Số lượng cán bộ, công nhân viên:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng số lao động cuối kỳ	259	431	60,09%
+ Tăng trong kỳ	11	23	47,83%
+ Giảm trong kỳ	183	126	145,24%

- Trình độ chuyên môn của cán bộ, công nhân viên:

Trình độ chuyên môn	Năm 2017		Năm 2016	
	Số lao động	% lao động chuyên môn / tổng lao động	Số lao động	% lao động chuyên môn / tổng lao động
+ Cao học	3	1,16%	4	0,93%
+ Đại học, cao đẳng	98	37,84%	126	29,23%
+ Trung cấp	56	21,62%	105	24,36%

- Chính sách đối với người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, ốm đau, thai sản theo qui định hiện hành.

II.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

II.3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2017, Công ty không phát sinh những dự án đầu tư mới, chỉ thực hiện mua sắm, lắp đặt các trang thiết bị, cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ SXKD, như sau:

- CN XN Thức ăn chăn nuôi thủy sản: Lắp đặt hệ thống camera giá trị 66 triệu đồng, Bộ chiết béo tự động 2 chỗ giá trị 169 triệu đồng, mua mới xe BenZ giá trị 250 triệu đồng và xe tải giá trị 373 triệu đồng, lắp đặt Hệ thống xuất trấu rời 4-5T/h giá trị 66 triệu đồng.

- CN Xuất Khẩu Lương Thực: Lắp đặt 02 máy lau bóng CBL-10C đã qua sử dụng là 584 triệu đồng, Hệ thống cân tự động TC.40 giá trị 378 triệu đồng, cải tạo nâng cấp kho Bình Hòa và các hạng mục phụ trợ giá trị 801 triệu đồng nhằm đáp ứng yêu cầu xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc.

- CN XN Trại Chăn Nuôi Vĩnh Khánh: cải tạo chuồng heo nái nuôi con với giá trị 388 triệu đồng.

- CN XN Chế Biến Lâm Sản: cải tạo nâng cấp lò hạ mỡ Cái Dung với giá trị 777 triệu đồng.



II.3.2. Công ty liên doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các CTy liên doanh	Ngày thành lập	Hoạt động kinh doanh chính	Tình hình tài chính năm 2017				
			Tổng tài sản	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
CTy TNHH TM Sài Gòn - An Giang	28/10/2003	Kinh doanh siêu thị tự chọn	137.985	79.790	374.842	18.001	14.212
CTy TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	13/05/2015	Kinh doanh bất động sản	106.835	78.494	11.856	6.730	5.849

II.4. Tình hình tài chính:

II.4.1. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu so sánh	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	403.651	523.198	(22,85)
Doanh thu thuần	897.256	1.191.293	(24,68)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.776	4.569	4,55
Lợi nhuận khác	19.639	2.927	571,03
Lợi nhuận trước thuế	24.415	7.495	225,74
Lợi nhuận sau thuế	23.088	7.495	208,04
Lãi cơ bản/CP (Đồng)	660	214	208,04

II.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	7,03	1,72
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	Lần	3,16	0,26
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	8,03	33,46
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	8,73	50,27
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán</u>	Vòng	4,46	3,66
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	2,22	2,28
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	2,57	0,63
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	6,22	2,15
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	5,72	1,43
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	0,53	0,38

II.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi đầu tư của chủ sở hữu:

II.5.1. Cổ phần:

- Tổng số lượng cổ phần: 35.000.000 Cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
 - + Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 35.000.000 cổ phiếu.
 - + Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu.

II.5.2. Cơ cấu cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông đến 20/03/2018	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I.	Cổ đông trong nước		35.000.000	100,00%
1	Tổ chức	6	28.564.700	81,62%
	- Tổng Công Ty CP Kinh doanh Đầu Tư Vốn Nhà Nước (SCIC)		17.850.000	51,00%
	- CTy TNHH MTV-Tổng CTy Lương Thực Miền Nam		7.181.650	20,52%
	- CTy TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang		3.018.750	8,63%
	- CTy Cổ Phần Gentraco		294.300	0,84%
	- CTy TNHH XNK Đồng Lợi		200.000	0,57%
	- Công đoàn Công ty		20.000	0,06%
2	Cá nhân	696	6.435.300	18,38%
II.	Cổ đông ngoài nước		-	-
1	Tổ chức		-	-
2	Cá nhân		-	-

II.5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

II.5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

II.5.5. Các chứng khoán khác: Không.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

III.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

III.1.1. Đánh giá chung về kết quả kinh doanh:

Do ảnh hưởng thị trường, kết quả kinh doanh chưa đạt được như kỳ vọng, một số chỉ tiêu như doanh thu, kim ngạch xuất nhập khẩu, lợi nhuận hoạt động kinh doanh, sản lượng tiêu thụ sản phẩm chủ yếu đạt thấp so kế hoạch và tăng trưởng âm so cùng kỳ. Tuy nhiên, về tổng thể vẫn tiếp tục tạo được chuyển biến, lợi nhuận sau thuế bù đắp hết lỗ lũy kế và có tích lũy theo Nghị quyết DHCD, làm tiền đề phát triển cho những năm tiếp theo.

- Vai trò phối hợp, hỗ trợ kịp thời của SCIC đã phát huy tác dụng tích cực. Sự nỗ lực, sâu sát của HĐQT, quyết tâm của BDH và tập thể người lao động trong Công ty đã giúp từng bước vượt qua khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Kịp thời có những giải pháp chỉ đạo, điều hành cụ thể để giữ ổn định thị trường tiêu thụ thức ăn chăn nuôi, khai thác các thay đổi tích cực của thị trường để lựa chọn thời điểm bán ra lúa gạo tồn kho hợp lý, xuất bán cá tra nuôi ao với giá tốt, thúc đẩy tăng trưởng các ngành, nghề có lợi thế, cơ hội như chế biến lâm súc sản, bắt động sản Nam Châu Đốc, bù đắp cho các lãnh vực gặp khó khăn. Đi đôi với hoạt động kinh doanh, tập trung cho đầu tư nâng cấp, cải tạo, mua sắm TSCĐ theo hướng ưu tiên cho đơn vị, lãnh vực ngành nghề có nhu cầu cấp thiết và tiềm năng phát triển.

- Duy trì và tham gia điều hành hoạt động các liên doanh Công ty TNHH Thương mại Saigon – An Giang, Công ty TNHH Saigon – Châu Đốc đạt hiệu quả.

- Đạt được kết quả bước đầu trong triển khai thực hiện DATCC hoạt động Công ty:

+ Sắp xếp tinh giản lao động: lao động giảm trong năm là 182 người (trong đó, giảm theo phương án TCC là 142 người) và đã giải quyết tốt các chế độ, chính sách liên quan đến người lao động nên không phát sinh tranh chấp, khiếu kiện. Điều này đã góp phần cải thiện khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.

+ Tái cơ cấu tài sản: bên cạnh việc thanh lý các tài sản không cần dùng, đã thực hiện thành công việc thanh lý nhà máy đông lạnh thủy sản đạt hiệu quả so với kế hoạch đề ra. Tổng thể lợi nhuận sau thuế tăng cao so kế hoạch, đã bù đắp hết lỗ lũy kế và có kết dư, tạo điều kiện để trình ĐHCĐ xem xét phương án chia cổ tức năm 2017 cho cổ đông, góp phần cải thiện hình ảnh và niềm tin nơi cổ đông, cải thiện và ổn định thị giá giao dịch cổ phiếu.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, còn tồn tại những khó khăn, hạn chế cả khách quan và chủ quan làm ảnh hưởng đến hiệu quả cả năm như:

- Kinh doanh lương thực vẫn tiếp tục khó khăn, phát sinh lỗ. Bên cạnh nguyên nhân khách quan do bất lợi của thị trường dẫn đến sản lượng sản xuất và tiêu thụ giảm mạnh (xuất khẩu không đáng kể do không hiệu quả, xuất nhiều lỗ nhiều), chưa thanh lý được tài sản các kho thuộc diện tái cơ cấu, tạo áp lực phân bổ lên định phí và lãi vay, còn có yếu tố chủ quan do chưa dự báo tốt công tác thị trường, chưa định hình chiến lược kinh doanh phù hợp, cơ sở hạ tầng sản xuất và thiết bị công nghệ chế biến lạc hậu, kém sức cạnh tranh. Phương thức kinh doanh trong năm chủ yếu tập trung vào thị trường nội địa và cung ứng xuất khẩu, khai thác cơ hội thị trường (lựa chọn thời điểm mua vào, bán ra) nhằm duy trì doanh thu. Tuy kết quả lỗ nhưng kinh doanh lương thực về cơ bản vẫn bù đắp được một phần định phí của các tài sản, thiết bị, kho tàng không hoặc ít hoạt động, chi phí lãi vay, chi phí quản lý.

- Lành vực thức ăn chăn nuôi có dấu hiệu chững lại, tuy vẫn đạt kế hoạch lợi nhuận nhưng doanh thu, sản lượng tiêu thụ giảm sút. Nguyên nhân chủ yếu do bất lợi của tình hình chăn nuôi, do cường độ cạnh tranh gia tăng trong ngành thông qua nguồn lực đầu tư và chính sách bán hàng của đối thủ, mặt khác cũng có những hạn chế chủ quan do chính sách khuyến mãi, thanh toán chưa thu hút, năng lực tiếp thị yếu, chất lượng một số sản phẩm chủ lực không ổn định, máy móc, thiết bị chậm nâng cấp theo nhu cầu ngày càng cao dẫn đến giảm sản lượng tiêu thụ và mất một số thị trường truyền thống. Giá cả nguyên liệu đầu vào cuối năm tăng nhanh ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

- Với biến động bất lợi của thị trường và chính sách nhập khẩu của đối tác, hoạt động giao nhận hàng hóa XNK trên đà suy giảm mạnh và chưa tiên lượng được thời điểm hồi phục. Việc tìm kiếm các giải pháp thay thế đang trong giai đoạn thăm dò, thử nghiệm.



- Công tác quản trị, điều hành cũng còn hạn chế, tuy đã có gắng, quyết tâm nhưng lợi nhuận thuần từ hoạt động SX-KD đạt được còn thấp so kỳ vọng của HĐQT và ĐHCĐ. Mục tiêu, định hướng chiến lược về phát triển ngành hàng, sản phẩm mới chưa đáp ứng, công tác dự báo, đánh giá thị trường một số thời điểm chưa tốt, một số phòng, ban mới thành lập chưa thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ và phát huy hiệu quả như mong muốn.

Bảng chỉ tiêu so sánh kết quả thực hiện so với kế hoạch trong năm 2017:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2017	% TH/KH
Tổng doanh thu thuần	Tr.đ	921.018	1.298.653	70,92
Tổng chi phí	Tr.đ	896.603	1.281.907	69,94
Trong đó:				
+ Chi phí trước khi phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	Tr.đ	890.946	1.276.250	69,81
+ Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	Tr.đ	5.657	5.657	100,00
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	24.415	16.746	145,80
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	23.088	16.746	137,87
Kim ngạch xuất khẩu	Tr. USD	0,49	14,07	3,45
- Gạo	Tr.USD	0,42	14,04	3,00
- Cá	Tr.USD	0,06	0,03	211,76
Sản lượng xuất khẩu				
- Gạo	Tấn	1.139,30	40.000,00	2,85
- Cá	Tấn	17,56	10,00	175,64
Sản lượng tiêu thụ TẮCN TS	Tấn	46.730,13	53.003,50	88,16
Trong đó: tiêu thụ nội bộ	Tấn	3.019,55	2.783,50	108,48

So với kế hoạch năm 2017, hoạt động xuất khẩu của Công ty tiếp tục chịu những tác động nặng nề từ yếu tố bất lợi của thị trường. Tổng kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 3,45%; trong đó, xuất khẩu gạo chỉ đạt 2,85% sản lượng và 3% giá trị, xuất khẩu thủy sản đạt không đáng kể do trong tháng 7 đã thực hiện thanh lý nhà máy. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến tổng doanh thu toàn công ty chỉ đạt 70,92% kế hoạch, trong khi chi phí là 69,94% so kế hoạch. Mặc dù doanh thu sụt giảm, nhưng với việc thực hiện thành công giai đoạn quan trọng của Đề án tái cơ cấu hoạt động Công ty là thanh lý nhà máy đông lạnh thủy sản, sắp xếp lại các mảng SXKD và tinh giản lao động,... đã góp phần mang lại lợi nhuận tăng cao so với kế hoạch đề ra. Cụ thể, so với kế hoạch thì lợi nhuận trước thuế tăng 145,80% và lợi nhuận sau thuế tăng 137,87%.

III.1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Tình hình kinh doanh năm 2017 tiếp tục khó khăn trong bối cảnh đang còn lỗ lũy kế các năm trước 8,7 tỷ đồng. Thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ bất thường cuối năm 2016 và ĐHCĐ thường niên năm 2017, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc đã có nhiều nỗ lực cụ thể trong hoạt động quản trị, điều hành Công ty nên đã đạt được một số tiến bộ như sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT về phương án, giải pháp tái cơ cấu và kế hoạch SX-KD năm 2017 trong toàn Công ty. Cải tiến công tác quản trị, điều hành, thông tin kịp thời về tình hình và kết quả kinh doanh, đề xuất các giải pháp xử lý khó khăn để HĐQT quyết định.

- Kịp thời có những giải pháp chỉ đạo, điều hành cụ thể để giữ ổn định thị trường tiêu thụ thức ăn chăn nuôi, khai thác các thay đổi tích cực của thị trường để lựa chọn thời điểm bán ra lúa gạo, thức ăn chăn nuôi tồn kho hợp lý, xuất bán cá tra nuôi ao với giá tốt, thúc đẩy tăng trưởng các ngành, nghề, sản phẩm, dịch vụ Công ty có lợi thế, cơ hội như chế biến lâm súc sản, bắt động sản Nam Châu Đốc. Đi đôi với hoạt động kinh doanh, tập trung cho đầu tư nâng cấp, cải tạo, mua sắm TSCĐ theo hướng ưu tiên cho đơn vị, lãnh vực ngành nghề có nhu cầu cấp thiết và tiềm năng phát triển.

- Kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu đạt được thành công bước đầu, nhất là các giải pháp tái cơ cấu về lĩnh vực kinh doanh, tài sản, tài chính và lao động.

- Do thị trường khó khăn, một số chỉ tiêu kinh doanh chưa đạt so kế hoạch ĐHCĐ thông qua. Tuy nhiên, với thu nhập bổ sung từ thanh lý tài sản, tổng thể lợi nhuận sau thuế tăng cao, đã bù đắp hết lỗ lũy kế và có kết dư, tạo điều kiện để trình ĐHCĐ xem xét phương án chia cổ tức năm 2017 cho cổ đông và góp phần cải thiện tình hình tài chính của Công ty, việc làm và thu nhập cho người lao động.

III.2. Tình hình tài chính:

III.2.1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản của công ty cuối năm 2017 là 404 tỷ đồng, giảm 23% so với đầu năm (mức giảm 119 tỷ đồng).

- Trong đó tài sản ngắn hạn giảm 25% (mức giảm 75 tỷ đồng), chủ yếu là giảm mạnh ở chỉ tiêu hàng tồn kho 51% (mức giảm 131 tỷ đồng), công nợ giảm 14% (mức giảm 4 tỷ đồng), nguồn tiền thu hồi từ giảm hàng tồn kho, công nợ và hoạt động thanh lý trong thời điểm cuối năm đã làm cho chỉ tiêu tiền và tương

đương tiền tăng 417% (mức tăng 60 tỷ đồng), góp phần lành mạnh hóa tình hình tài chính và hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu của Công ty so với các năm trước.

- Chỉ tiêu tài sản dài hạn cũng giảm 20% so với đầu năm (mức giảm 44 tỷ đồng). Các khoản giảm, chủ yếu là do thanh lý nhà máy Đông lạnh thủy sản, cùng với việc trích khấu hao và phân bổ đầy đủ chi phí lợi thế kinh doanh 5,6 tỷ đồng vào chi phí quản lý trong năm 2017.

III.2.2. Tình hình nợ phải trả:

- Nợ phải trả giảm 81% (mức giảm 142 tỷ đồng), trong đó chỉ tiêu vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm nhiều nhất 90% (mức giảm 103 tỷ đồng), hoàn tất việc giao hàng cho các hợp đồng khách hàng ứng trước đã làm chỉ tiêu người mua trả tiền trước giảm 92% (mức giảm 31 tỷ đồng), khoản phải trả người bán cũng giảm 16% (mức giảm 3 tỷ đồng), ngoài ra các chỉ tiêu còn lại như: chi phí phải trả, phải trả ngắn hạn-dài hạn khác... cũng giảm (tổng mức giảm các chỉ tiêu này trên 5 tỷ đồng).

III.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

III.3.1. Cải tiến về cơ cấu tổ chức:

Sau khi thanh lý tài sản và chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp đông lạnh thủy sản, tiếp tục tinh giản và sắp xếp bộ máy nhân sự dựa trên sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp. Thực hiện chính sách trả lương, thưởng minh bạch gắn với kết quả kinh doanh và hiệu quả công việc, năng lực chuyên môn của từng cá nhân và vị trực thuộc tạo được động lực cho sự cống hiến và tăng trưởng các mặt hoạt động của Công ty.

III.3.2. Cải tiến về chính sách, quản lý:

- Đổi mới và bổ sung nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề cho người lao động.

- Quan tâm hoàn thiện thể chế và năng lực quản trị nội bộ thông qua việc tăng cường hoạt động kiểm soát và quản lý chặt chẽ định mức vật tư, nguyên vật liệu đầu vào và các chi phí khác để tiết giảm chi phí, quản lý giá thành cạnh tranh để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Cụ thể: đã hoàn thiện và trình HĐQT thông qua Quy chế tài chính, quản lý chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý nợ, Quy định về Quy trình mua sắm và thanh lý tài sản cố định. Tiếp tục xem xét, chỉnh sửa, thống nhất để hoàn thiện thể chế quản trị thông qua việc ban hành các quy chế khác như: Quy chế quản lý nhân sự lao động, Quy chế lương, thưởng, Quy chế đào tạo phát triển

nguồn nhân lực, Quy chế thi đua khen thưởng kỷ luật, Quy chế hoạt động của Trưởng ban kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro.

- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế đối với chế biến, sản xuất lương thực và thức ăn chăn nuôi. Nghiên cứu áp dụng bộ tiêu chí “Hàng Việt Nam chất lượng cao – Chuẩn hội nhập” cho ngành Gạo, đáp ứng yêu cầu của thị trường và người tiêu dùng (Công ty đạt danh hiệu Hàng VNCLC năm 2018 của ngành hàng này).

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế quản trị nội bộ theo mô hình tiên tiến và hội nhập.

III.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Dự báo tình hình hoạt động SXKD năm 2018 vẫn tiếp tục khó khăn, ngoài những biến động bất lợi về thị trường còn phát sinh thêm yếu tố rủi ro về thời tiết, dịch bệnh ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Căn cứ Đề án tái cơ cấu hoạt động Công ty giai đoạn 2016-2020, kết hợp với dự báo diễn biến thị trường, kết quả thực hiện năm 2017 và khả năng, điều kiện thực tế, BDH Công ty dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 có mức tăng trưởng phù hợp, bao gồm nội dung và một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

III.4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

a. Doanh thu kế hoạch năm 2018:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	
			Số lượng	Thành tiền
A	HOẠT ĐỘNG SXKD			1.126.490
I	KHẨU XUẤT KHẨU			82.570
1	Gạo	Tấn	10.000	82.570
2	Sản phẩm thủy sản	Tấn		
II	KHẨU NHẬP KHẨU			42.870
1	Bã đậu nành	Tấn	1.200	12.720
2	Nguyên liệu TĂGS khác	Tấn	1.600	30.150
III	KHẨU NỘI ĐỊA			1.001.050
1	Thức ăn gia súc	Tấn	48.316	475.400
2	Gạo, tấm, phụ phẩm	Tấn	57.000	415.893
3	Bán lẻ, dịch vụ, tổng hợp khác	x		61.742
4	Sản phẩm chăn nuôi	x		18.196
5	Sản phẩm thủy sản	x		29.820
B	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			3.310
C	HOẠT ĐỘNG KHÁC			200

STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	
			Số lượng	Thành tiền
	TỔNG CỘNG			1.130.000

b. Kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2018:

STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	
			Số lượng	Kim ngạch (USD)
1	Kim ngạch xuất khẩu:			3.590.000
	-Gạo	Tấn	10.000	3.590.000
	-Sản phẩm thủy sản	Tấn		
2	Kim ngạch nhập khẩu:			9.248.000
	-Bã đậu nành và nguyên liệu TĂGS khác	Tấn	25.030	9.248.000

c. Những chỉ tiêu tổng hợp sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018
I	Vốn điều lệ	350.000
II	Tổng doanh thu thuần (IIA + IIB + IIC)	1.130.000
A	Hoạt động kinh doanh	1.126.490
B	Hoạt động tài chính	3.310
C	Hoạt động khác	200
III	Tổng chi phí SXKD (IIIA + IIIB + IIIC)	1.112.500
A	Hoạt động kinh doanh	1.096.723
	-Giá vốn hàng bán	1.058.191
	-Chi phí bán hàng	25.116
	-Chi phí quản lý DN	13.416
	Trong đó: Phân bổ Giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí quản lý	5.657
B	Hoạt động tài chính	15.775
	Trong đó: Chi phí lãi vay	11.275
C	Hoạt động khác	2
IV	Tổng lợi tức trước thuế (IVA + IVB + IVC)	17.500
A	Hoạt động kinh doanh (IIA - IIIA)	29.767
B	Hoạt động tài chính (IIB - IIIB). Trong đó:	(12.465)
	- Lãi liên doanh góp vốn CTy TNHH TM Sài Gòn - An Giang	1.900
	- Lãi liên doanh góp vốn CTy TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	600
C	Hoạt động khác (IIC - IIIC)	198
VII	Thuế thu nhập DN	2.190
VIII	Tổng lợi tức sau thuế	15.310

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018
IX	Chỉ tiêu tính toán hiệu quả SXKD	
1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/DT thuần (%)	1,55
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ (%)	5,00
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	4,37

d. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Vốn điều lệ	350.000
2	Tổng Doanh thu	1.130.000
3	Lợi nhuận trước thuế	17.500
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	2.190
5	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	15.310
a	- Lợi nhuận được phân phối	15.310
b	- Lợi nhuận không được phân phối	-
6	Lợi nhuận còn để lại năm trước	37
7	Lợi nhuận được phân phối đến 31/12/2018	15.347
8	Phân phối lợi nhuận	15.312
a	Trích lập các Quỹ, trong đó:	3.062
	- Quỹ đầu tư phát triển $[10\% \times (5)]$	1.531
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi $[10\% \times (5)]$	1.531
b	Chia cổ tức bằng tiền mặt $[3,5\% \times (1)]$	12.250
9	Lợi nhuận còn lại [(7)-(8)]	35

e. Kế hoạch quỹ lương và thu nhập của người lao động:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2018
I	Tổng số lao động trong doanh nghiệp, trong đó:	người	266
1	Người quản lý	người	5
2	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	người	90
3	Lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh	người	161
4	Lao động thừa hành, phục vụ	người	10
II	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đồng	22.714
	Số người bình quân	người	266
	Tiền lương BQ	đ/người/tháng	7.120.000
	Trong đó:		
1	Quỹ lương người lao động	Tr.đồng	21.298
	Số người bình quân	người	261

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2018
	Tiền lương BQ	đ/người/tháng	6.800.000
2	Quỹ lương người quản lý (=a+b)	Tr.đồng	1.416
	Số người bình quân	người	5
	Tiền lương BQ	đ/người/tháng	23.600.000
a	Quỹ lương Ban Điều hành	Tr.đồng	1.248
	Số người bình quân	người	4
	Tiền lương BQ	đ/người/tháng	26.000.000
b	Quỹ lương Trưởng Ban KS	Tr.đồng	168
	Số người bình quân	người	1
	Tiền lương BQ	đ/người/tháng	14.000.000

f. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản:

- Dự kiến tổng vốn đầu tư: 10.239 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư:
 - Vốn Công ty: 10.239 triệu đồng (dự kiến giải ngân trong năm 70%)
- Chi tiết Danh mục và Đơn vị được đầu tư:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục đầu tư/ Đơn vị quản lý	Giá trị đầu tư	Ghi chú (Quy mô, công suất thiết kế)
I/.	VĂN PHÒNG CÔNG TY	806	Giá trị chưa thuế GTGT
1	Cải tạo nhà làm việc, cổng hàng rào, lát gạch sân nền (công trình chuyển tiếp năm 2017)	756	
2	Lát gạch vỉa hè, cải tạo gờ bó vỉa (theo yêu cầu của UBND TP. Long Xuyên)	50	DT: 228 m ²
II/.	BQLDA TTTM NAM CHÂU ĐỐC	140	Giá trị chưa thuế GTGT
1	Xử lý hành lang đường dây trung thế tuyến 478 CD đi qua Khu TTTM Nam Châu Đốc	140	
III/.	CN XN THỨC ĂN CHĂN NUÔI - THỦY SẢN	6.805	Giá trị có thuế GTGT
1	Nâng mái kho Vàm Cống cao 2m	1.368	DT: 3.552 m ²
2	Mái che kho mì lát	1.375	DT: 1.000 m ²
3	Cải tạo dây chuyền máy Chia Tung 2	2.907	
4	Cải tạo lò hơi số 02	550	CS 05 tấn hơi/giờ
5	HT hút thổi trấu rời	330	01 HT
6	Mua 1 xe xúc hàng	275	01 xe
IV/.	CN XN CHẾ BIẾN LÂM SÚC SẢN	2.158	Giá trị chưa thuế GTGT
1	Cải tạo HT xử lý nước thải, các hạng mục chính: 02 túi Biogas, Ao điều hòa, Bể UAFB, Bể ANOXIC, Ao sinh học hiếu khí, Ao sinh học thoáng + lắng, Bể khử trùng, Tủ điện điều khiển, chi phí khác	1.486	Công suất 150m ³ /ngày đêm

TT	Danh mục đầu tư/ Đơn vị quản lý	Giá trị đầu tư	Ghi chú (Quy mô, công suất thiết kế)
2	Đường cống thoát nước ra sông Hậu	100	Đường kính 0,6m, 100md
3	Sửa chữa khung, mái khu giết mổ gia cầm	250	DT: 465 m ²
4	XD mặt bằng khu đậu xe tải và sửa chữa đường trục chính	150	
5	Cải tạo cảnh quan khu vực Lò hạ mổ (công trình chuyển tiếp 2017)	172	09 hạng mục sửa chữa, cải tạo
V/.	CN TRẠI CHĂN NUÔI VĨNH KHÁNH	330	Giá trị có thuế GTGT
1	Thay tole mái chuồng heo nái, nọc	100	01 dãy chuồng
2	Thay bạt, sửa chuồng mát heo nái nuôi con	50	01 dãy chuồng
3	Sửa chữa, nâng cấp HT cống, HT bơm nước hầm cá	180	01 HT
	Tổng cộng:	10.239	

(*) Do Thức ăn chăn nuôi và Sản phẩm Chăn nuôi (heo, cá..) bán ra không chịu thuế GTGT, nên thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ.

III.4.1.a. Những giải pháp thực hiện:

Mục tiêu chung: Châm dứt đà suy thoái về doanh thu và tăng trưởng trở lại, phân đấu hầu hết các đơn vị và lãnh vực SX-KD đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết ĐHCĐ, tạo điều kiện tiếp tục chia cổ tức cho cổ đông với mức không thấp hơn năm 2017.

Giải pháp:

Trên cơ sở định hướng kế hoạch năm 2018 được HĐQT cho ý kiến và ĐHCĐ thông qua, BĐH tập trung vào các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

➤ Giữ ổn định và tăng cường hiệu quả hoạt động các lãnh vực, ngành nghề hiện có:

- Đối với kinh doanh lương thực: Theo dõi diễn biến thị trường để xác định phương án kinh doanh, lựa chọn thời điểm mua vào, bán ra phù hợp. Về xuất khẩu, quan tâm và tiếp cận các thị trường Trung Quốc (chính ngạch), Philippines (khu vực tư nhân), Singapore, HongKong... Về nội địa, bên cạnh chọn lựa thời điểm, loại gạo mua vào, bán ra, tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ cung ứng với các đối tác. Nghiên cứu trang bị bổ sung các máy tách màu để chế biến gạo cao cấp, gạo đặc sản đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Phân đấu gia tăng sản lượng tiêu thụ gắn với hiệu quả kinh doanh, không để phát sinh lỗ.



- Đối với lãnh vực thức ăn chăn nuôi: Đánh giá toàn diện về hiện trạng sản xuất, công tác thị trường, hệ thống phân phối và chính sách bán hàng để có giải pháp xử lý phù hợp với thực tế. Trước mắt, do giá nguyên liệu đang tăng ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm, xem xét phương án mua tồn trữ và lựa chọn thời điểm thực hiện, tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh chính sách bán hàng, thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo, ưu tiên các danh mục đảm bảo duy trì sản lượng, chất lượng để giữ thị trường.

- Đối với lãnh vực, ngành nghề khác: Tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định của hoạt động chế biến lâm súc sản, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ gắn với đề án truy xuất nguồn gốc thịt heo của tỉnh; khai thác lợi thế về quỹ đất của Trại Vĩnh Khánh để triển khai thêm hoạt động SX-KD khác bên cạnh việc nuôi heo, cá; tiếp tục quảng bá, đẩy mạnh tiêu thụ lô nền gắn với phương án khai thác có hiệu quả 02 nhà lồng chợ của Khu TTMT Nam Châu Đốc, đề xuất phương án xử lý khu mở rộng trong trường hợp chưa chuyển nhượng được dự án theo DATCC. Đặt biệt lưu ý đến hoạt động dịch vụ của Chi nhánh TP.HCM và thực hiện các giải pháp hỗ trợ để không phát sinh lỗ. Duy trì hiệu quả thu nhập tài chính từ các hoạt động liên doanh.

➤ Nghiên cứu, triển khai một số hoạt động kinh doanh khác để thúc đẩy tăng trưởng. Trước mắt, ưu tiên cho các lãnh vực có liên quan đến nguồn cung nguyên liệu chế biến TĂCN như mì (sắn) lát, cám, bột cá và nguyên liệu nhập khẩu khác... trong khi chờ khảo sát, thăm dò, tìm hiểu sâu các ngành nghề kinh doanh mới.

➤ Tăng cường công tác quản trị, điều hành, giao chỉ tiêu kế hoạch gắn với chính sách khen thưởng, thực hiện giao ban thường xuyên để kiểm tra, đánh giá và kịp thời tháo gỡ khó khăn trong SX-KD. Giữ ổn định và lành mạnh hóa tình hình tài chính Công ty, tiếp tục xử lý thu hồi công nợ cũ, tránh phát sinh công nợ quá hạn mới. Thực hiện tốt công tác quản lý tài sản phục vụ chủ trương thoái vốn của SCIC.

➤ Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, phát huy chức năng nhiệm vụ của phòng Kinh doanh – Tiếp thị nhằm hỗ trợ các hoạt động SX-KD của Công ty và phù hợp với thực tiễn. Hoàn thiện thể chế quản trị nội bộ, trình thông qua các quy chế xây dựng mới và cập nhật sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định.



III.5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty:

III.5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Các cơ sở/hoạt động sản xuất của Công ty đều lập đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc chi tiết theo quy mô hoạt động, định kỳ giám sát, kiểm tra và báo cáo các ngành chức năng đúng quy định. Thường xuyên kiểm soát các chỉ tiêu tiêu thụ điện, nước, phát thải ... để kịp thời xử lý, khắc phục theo hướng tiết kiệm, an toàn, hiệu quả.

III.5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Thực hiện tốt các chính sách liên quan đến người lao động theo quy định của pháp luật. Căn cứ kết quả kinh doanh, cố gắng đảm bảo ổn định, nâng cao thu nhập và các chế độ phúc lợi cho người lao động.

III.5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Tiếp tục thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương qua các hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa... do địa phương vận động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

IV.1. Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

IV.1.1. Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2016	(%) So sánh thực hiện năm 2017 với	
					KH	Năm 2016
Tổng doanh thu thuần	Tr.đ	921.018	1.298.653	1.203.112	70,92	76,55
<i>Trong đó xuất khẩu</i>	Tr.đ	11.001	323.495	224.283	3,40	4,90
Tổng chi phí chưa phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	Tr.đ	890.946	1.276.250	1.189.960	69,81	74,87
Lợi nhuận trước thuế chưa phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	Tr.đ	30.072	22.403	13.152	134,23	228,65

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2016	(%) So sánh thực hiện năm 2017 với	
					KH	Năm 2016
Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	Tr.đ	5.657	5.657	5.657	100,00	100,00
Lợi nhuận trước thuế đã phân bổ giá trị lợi thế KD	Tr.đ	24.415	16.746	7.495	145,79	325,75
Lợi nhuận sau thuế đã phân bổ giá trị lợi thế KD		23.088	16.746	7.495	137,87	308,05

Tình hình thị trường năm 2017 diễn biến phức tạp, các khó khăn trong hoạt động xuất khẩu gạo, chăn nuôi heo và tăng trưởng chậm lại của lĩnh vực thức ăn chăn nuôi dẫn đến tiêu thụ giảm sút, thể hiện rõ nét ở chỉ tiêu doanh thu chỉ đạt 70,92% kế hoạch và đạt 76,55% so với cùng kỳ (Giảm mạnh ở doanh thu xuất khẩu: đạt 3,4% kế hoạch và so với cùng kỳ chỉ đạt 4,9%). Tuy nhiên, với những giải pháp điều hành hợp lý, kịp thời tận dụng các cơ hội thuận lợi của thị trường, cùng nỗ lực, quyết tâm của tập thể người lao động trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo DATCC đã góp phần cải thiện tình hình kinh doanh và hoạt động tài chính, chi phí trong kỳ đạt 69,81% so với kế hoạch và 74,87% so với cùng kỳ, kết hợp với việc bán thanh lý thành công nhà máy đông lạnh thủy sản nên hiệu quả kinh doanh của Công ty tăng khá so với kế hoạch năm và so cùng kỳ.

IV.1.2. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Công ty luôn thực hiện tốt trách nhiệm đối với công tác bảo vệ môi trường, đối với cộng đồng địa phương, trách nhiệm xã hội và các chính sách với người lao động.

IV.2. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý của Công ty:

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát đối với Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động Công ty, kịp thời cho ý kiến chỉ đạo, xử lý nhằm khắc phục khó khăn, duy trì ổn định sản xuất kinh doanh, đánh giá cao nỗ lực của Tổng Giám đốc trong việc điều hành kinh doanh đạt nhiều tiến bộ, kết quả triển khai thực hiện DATCC đã thành công bước đầu, nhất là các giải pháp tái cơ cấu về lao động và tài sản, qua đó đã thanh lý nhà máy đông lạnh thủy sản có hiệu quả. Kết quả kinh doanh đã bù hết lỗ lũy kế và có kết dư, tình hình tài chính tiếp tục được cải thiện, lành mạnh. Công tác quản trị, điều hành có nhiều đổi mới, tuân thủ nghị

quyết, quyết định của ĐHCĐ và HĐQT, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát đối với các thành viên trong Ban điều hành Công ty, ghi nhận các nỗ lực đối với công tác quản trị, điều hành, đảm bảo tuân thủ nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, đánh giá cao vai trò tham mưu, hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong thực hiện các nhiệm vụ theo ĐATCC và kế hoạch SX-KD theo nghị quyết ĐHCĐ đạt hiệu quả.

IV.3. Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị:

Tiếp tục tái cấu trúc tổng thể hoạt động sản xuất kinh doanh theo ĐATCC giai đoạn 2016-2020 đã được ĐHCĐ thông qua. Xúc tiến các giải pháp cụ thể để tăng trưởng trở lại về doanh thu và kim ngạch xuất nhập khẩu. Căn cứ diễn biến thị trường để quyết định sắp xếp lại các ngành nghề kinh doanh khác có lợi thế cạnh tranh và gia tăng hiệu quả.

Các mục tiêu định hướng:

- Thực hiện các mục tiêu theo ĐATCC hoạt động Công ty giai đoạn 2016-2020 đã được ĐHCĐ thông qua.

- Nỗ lực vượt qua khó khăn, giữ ổn định sản xuất kinh doanh và tăng trưởng trở lại, đánh giá đúng tình hình biến động thị trường để kịp thời định hướng và điều hành hoạt động của Công ty.

- Tăng cường công tác giám sát Ban điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT, đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị Công ty. Tiếp tục hoàn thiện thể chế quản trị nội bộ.

- Tập trung phát triển SX-KD đi đôi với nâng cao hiệu quả kinh doanh, tạo điều kiện nâng cao cổ tức đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2018 với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận sau thuế có tăng trưởng hợp lý so với năm 2017, phù hợp với chỉ tiêu tăng trưởng chung của nền kinh tế, diễn biến thị trường và đặc thù của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, phần đầu chi trả cổ tức không thấp hơn so cùng kỳ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện nội dung các giải pháp theo ĐATCC hoạt động Công ty.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế quản trị nội bộ, tăng cường giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo Quy chế hoạt động của HĐQT, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

V.1. Hội đồng quản trị:

V.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

S T T	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Thành viên độc lập	Thành viên không điều hành	Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các Công ty khác
1	Quốc Hồ Đình Tuấn ⁽¹⁾	Chủ tịch	31,00%			
2	Nguyễn Thanh Xuân ⁽²⁾	Thành viên	10,23%			1
3	Phạm Ngọa Long ⁽³⁾	Thành viên	10,23%			1
5	Trần Bảy ⁽⁴⁾	Thành viên	20,52%		X	
4	Tô Thiện Hữu ⁽⁵⁾	Thành viên	8,65%		X	
6	Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	0,00%		X	
7	Đặng Minh Thừa	Thành viên	0,00%		X	

(¹) Số cổ phần nắm giữ: 10.850.000 cổ phần, chiếm 31,00% vốn điều lệ, trong đó đại diện vốn SCIC: 10.850.000 cổ phần (31%).

(²)Số cổ phần nắm giữ: 3.582.200 cổ phần, chiếm 10,23% vốn điều lệ, trong đó đại diện vốn SCIC: 3.500.000 cổ phần (10%), cá nhân: 82.200cổ phần (0,23%).

(³)Số cổ phần nắm giữ: 3.578.900 cổ phần, chiếm 10,23% vốn điều lệ, trong đó đại diện vốn SCIC: 3.500.000 cổ phần (10%), cá nhân: 78.900cổ phần (0,23%).

(⁴) Số cổ phần nắm giữ: 7.181.650 cổ phần, chiếm 20,52% vốn điều lệ. Đại diện vốn góp của Công Ty TNHH MTV – Tổng Công Ty Lương Thực Miền Nam.

(⁵) Số cổ phần nắm giữ: 3.028.750 cổ phần, chiếm 8,65% vốn điều lệ, trong đó: đại diện vốn góp của Công Ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang: 3.018.750 cổ phần (8,63%), cá nhân: 10.000 cổ phần (0,03%).

V.1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tiểu ban chiến lược và đầu tư phát triển.
- Tiểu ban thể chế, chính sách.
- Tiểu ban kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro.
- Tiểu ban nhân sự, lao động, tiền lương và chiến lược phát triển nguồn nhân lực.
- Tiểu ban thi đua khen thưởng, kỷ luật.

V.1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị (HĐQT) duy trì hoạt động theo Điều lệ Công ty. Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp trực tiếp 08 (tám) lần, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản 06 (sáu) lần, ban hành 15 Nghị quyết, 03 Quyết định, tập trung vào các nội dung:

- Chuẩn bị chương trình, nội dung cho kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2017.

- Thông qua báo cáo của Ban điều hành (BDH) về kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo của Thường trực Ban chỉ đạo (TT. BCĐ) Tái cơ cấu về kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Đề án Tái cơ cấu (ĐATCC) và cho ý kiến về các mục tiêu, giải pháp điều hành SX-KD định kỳ hàng quý.

- Thống nhất nội dung, giải pháp triển khai tiến trình thanh lý, tổ chức bán đấu giá tài sản thực hiện ĐATCC Công ty theo đúng quy định.

- Thống nhất hạn mức tín dụng và dư nợ tín dụng bình quân trong năm. Thông qua việc vay vốn tại các Ngân hàng.

- Thông qua và ban hành các Quy chế quản trị Công ty.

- Phê chuẩn việc chấm dứt hoạt động của các Chi nhánh.

- Xử lý các vấn đề thuộc phạm vi, quyền hạn của HĐQT.

V.1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Ông Nguyễn Văn Tiến – chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó trưởng tiểu Ban chiến lược KD của HĐQT.

V.2. Ban kiểm soát:

V.2.1. Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát:

S T T	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết	Thành viên độc lập	Thành viên không điều hành
1	Trần Khánh Giang	Trưởng Ban	0,01%		
2	Trần Hoàng Ngân	Thành viên			X
2	Hồng Lệ Vân	Thành viên			X

V.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty theo đúng Luật

Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

+ Trưởng Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đã có nhiều ý kiến đóng góp cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

+ Ban kiểm soát đã tham gia kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm và thực hiện việc soát xét báo cáo kế toán quản trị Công ty hàng quý trong năm trước khi đệ trình Hội đồng quản trị. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính, sử dụng vốn, kiểm tra tình hình thực hiện quản lý công nợ phải thu, phải trả theo qui chế quản lý nợ Công ty, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc, xem xét thư quản lý của Kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Nhìn chung, trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

V.3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

V.3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát: Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, do kết quả kinh doanh năm 2017 có hiệu quả, lợi nhuận sau thuế bù đắp hết lỗ lũy kế và có tích lũy, HĐQT thống nhất tạm trích trước (chưa chi) thù lao HĐQT, BKS số tiền là **384.000.000 đồng** (trong đó thù lao HĐQT là 336.000.000 đồng, thù lao BKS là 48.000.000 đồng), phục vụ cho công tác quyết toán và kiểm toán tài chính năm 2017. Việc chi trả thù lao HĐQT chỉ được Công ty thực hiện sau khi Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua.

- Chi lương cho Trần Khánh Giang, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách 13.000.000 đồng/tháng, tổng chi là 156.000.000 đồng/năm.

- Chi phí thông tin liên lạc với mức:

o HĐQT: Chủ tịch là 500.000 đồng/tháng, thành viên HĐQT là 300.000đồng/người/tháng. Tổng chi phí đã chi là 27.600.000 đồng/năm.

o BKS: Trưởng ban là 300.000 đồng/tháng, thành viên: 250.000đồng/người/tháng. Tổng chi phí đã chi là 9.600.000 đồng/năm.

- Chi phí hoạt động của BKS trong năm: 13.794.490 đồng.

- Khen thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017: không có.

- Ban Tổng Giám Đốc:

Đơn vị tính: triệu đồng

T T	Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Chi từ quỹ khen thưởng kết dư năm 2016	Cộng
1	Nguyễn Thanh Xuân	Tổng Giám Đốc	340,60	28,00	368,60
2	Phạm Ngọa Long	Phó Tổng Giám Đốc	294,15	25,00	319,15
3	Trần Xuân Phúc	Phó Tổng Giám Đốc	263,19	18,00	281,19
	Cộng		897,94	71,00	968,94

V.3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

V.3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2017, Công ty có các giao dịch với các Công ty liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền (VNĐ)
1	Công Ty TNHH MTV – Tổng Công Ty Lương Thực Miền Nam	Cổ đông chiến lược (với cổ phần chiếm 20,52% tổng số cổ phần Cty	Doanh số ủy thác xuất khẩu và cung ứng gạo nội địa	9.564.765.290
			Phí giao nhận, phí ủy thác xuất khẩu	74.450.407
2	Công ty TNHH Sài Gòn An Giang	Góp vốn liên doanh	Cung cấp thịt heo, gà, vịt tươi	954.607.950
			Lãi thành viên góp vốn được chia năm 2016	2.175.552.199

V.3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã thực hiện đúng theo Quy chế quản trị công ty, Điều lệ Công ty và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán được thể hiện trong phần đính kèm.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Quốc Hồ Đình Tuấn





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 42



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang tên giao dịch là An Giang Agriculture and foods Import – Export Joint Stock Company (tên viết tắt là Afifex) chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 22 tháng 09 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1600194461 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011; đăng ký thay đổi lần 1 ngày 14 tháng 07 năm 2011; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 05 năm 2013; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 05 năm 2014; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 06 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 12 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 04 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.
- Điện thoại : 0296 3932 963
- Fax : 0296 3932 981

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Mua bán lương thực, sản phẩm chăn nuôi;
- Mua bán nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, dịch vụ cung cấp vật nuôi;
- Mua bán lúa giống, thóc, ngô, lúa mì, hạt ngũ cốc khác;
- Xay sát, sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất thức ăn chăn nuôi thủy sản;
- Mua bán thịt gia súc, gia cầm đã qua giết mổ, sản xuất, chế biến và bảo quản thịt;
- Sơ chế gỗ, sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Long	Thành viên
Ông Trần Bảy	Thành viên
Ông Tô Thiện Hữu	Thành viên
Ông Đặng Minh Thừa	Thành viên
Ông Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Phúc	Phó Tổng Giám đốc

3995
ÔNG T
HIỆM H
M TOÁ
IẾT
NHÁI
N THC
S-TP

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Khánh Giang	Trưởng Ban
Ông Trần Hoàng Ngân	Thành viên
Bà Hồng Lệ Vân	Thành viên

Đại diện pháp luật

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính năm này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

202-
HẠN
N
NAM
NH
CÁN

7. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc công bố các báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THANH XUÂN
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2018





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam

AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế

Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 017/2018/BCKT-CT.00106

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2018, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 15 tháng 03 năm 2017.



NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1

NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2860-2014-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Cantho Branch • Tel: +84 292 3827888 • Fax: +84 292 3823209 • Email: pkf.afcct@pkf.afcvietnam.vn

A1-28, Road 6, Cong An Residence, Thanh Loi Area, Phu Thu Ward • Cai Rang District • Can Tho City • Vietnam • Website: www.pkf.afcvietnam.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		224.732.045.905	300.049.696.945
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	74.378.394.978	14.372.820.418
Tiền	111		4.278.394.978	13.453.720.418
Các khoản tương đương tiền	112		70.100.000.000	919.100.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	71.063.500
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	71.063.500
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.338.457.813	29.408.187.760
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	29.221.497.124	27.855.021.343
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.563.603.436	5.745.775.626
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	1.037.301.331	1.485.508.696
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(6.483.944.078)	(5.678.117.905)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.7	123.744.927.139	254.748.497.670
Hàng tồn kho	141		124.143.065.394	257.198.107.716
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(398.138.255)	(2.449.610.046)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.270.265.975	1.449.127.597
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	1.270.265.975	1.446.627.597
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	2.500.000
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

489
CÔNG
H NHIỆ
KIỂM
C VỊ
CHÍNH
CÂN
NG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngày 01 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
Đơn vị tính: VND				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		178.919.020.377	223.148.112.771
Các khoản phải thu dài hạn	210		60.000.000	60.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	60.000.000	60.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		104.273.999.886	141.848.173.484
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	58.185.911.799	88.837.511.033
Nguyên giá	222		270.927.913.418	360.706.086.849
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(212.742.001.619)	(271.868.575.816)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	46.088.088.087	53.010.662.451
Nguyên giá	228		47.572.942.345	53.963.764.975
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.484.854.258)	(953.102.524)
Bất động sản đầu tư	230	5.11	3.001.338.507	3.969.597.744
Nguyên giá	231		16.137.653.892	16.137.653.892
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.136.315.385)	(12.168.056.148)
Tài sản dở dang dài hạn	240		15.707.038.917	15.817.954.371
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	15.707.038.917	15.817.954.371
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	25.650.000.000	25.650.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		25.650.000.000	25.650.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		30.226.643.067	35.802.387.172
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	30.226.643.067	35.802.387.172
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		403.651.066.282	523.197.809.716

15-06
 CÔNG TY
 HỮU
 HỮU
 OÁN
 T N
 HÂN
 THO
 TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		32.402.287.572	175.037.515.500
Nợ ngắn hạn	310		31.947.787.572	174.294.515.500
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	12.782.304.086	15.286.026.822
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	2.540.780.893	33.807.196.805
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	416.734.708	580.704.150
Phải trả người lao động	314		2.092.054.726	2.540.398.707
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	618.700.101	3.016.545.355
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	1.057.600.430	2.764.955.478
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	12.065.411.898	115.534.487.453
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.19	374.200.730	764.200.730
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		454.500.000	743.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	454.500.000	743.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		371.248.778.710	348.160.294.216
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	371.248.778.710	348.160.294.216
Vốn góp của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.875.078.692	4.875.078.692
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.002.602.581	2.002.602.581
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.371.097.437	(8.717.387.057)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(8.717.387.057)	(16.212.622.467)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.088.484.494	7.495.235.410
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		403.651.066.282	523.197.809.716



TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG
Người lập biểu

TRẦN KIM UYÊN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THANH XUÂN

Tổng Giám đốc

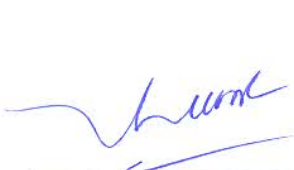
An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	909.406.660.330	1.207.076.060.884
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	12.150.516.687	15.783.042.804
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		897.256.143.643	1.191.293.018.080
Giá vốn hàng bán	11	6.3	843.684.985.907	1.123.394.879.588
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.571.157.736	67.898.138.492
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	3.149.937.665	7.734.741.969
Chi phí tài chính	22	6.5	9.994.190.543	22.567.119.614
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.673.233.155	16.018.671.642
Chi phí bán hàng	25	6.6	26.488.869.142	38.318.020.009
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	15.461.717.589	10.179.150.503
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.776.318.127	4.568.590.335
Thu nhập khác	31	6.8	20.611.622.991	4.083.965.065
Chi phí khác	32	6.9	972.817.487	1.157.319.990
Lợi nhuận khác	40		19.638.805.504	2.926.645.075
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.415.123.631	7.495.235.410
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	1.326.639.137	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.088.484.494	7.495.235.410
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	660	214


TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG
 Người lập biểu


TRẦN KIM UYÊN
 Kế toán trưởng


NGUYỄN THANH XUÂN

Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		24.415.123.631	7.495.235.410
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		15.679.320.614	18.225.624.182
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		(1.245.645.618)	(4.974.727.293)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		224.223	(934.058)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(20.513.557.899)	(6.640.500.506)
Chi phí lãi vay	06		5.673.233.155	16.018.671.642
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24.008.698.106	30.123.369.377
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.266.193.022	76.717.371.065
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		133.055.042.322	103.268.268.518
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(38.832.904.936)	21.162.973.368
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.752.105.727	5.205.862.727
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.860.486.709)	(16.807.663.839)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.082.633.020)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	238.576.592
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(390.000.000)	(10.243.185.598)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		119.916.014.512	209.665.572.210
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.121.939.019)	(9.948.407.902)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		45.164.909.091	1.540.500.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(41.000.000)	(1.771.063.500)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		112.063.500	1.700.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	(2.400.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.444.615.502	5.202.274.970
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		43.558.649.074	(5.676.696.432)

0044
C
RÁCH
KI
APC
CI
T/RA

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	594.564.567.434	892.850.283.448
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(698.033.642.989)	(1.116.013.627.588)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(304.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(103.469.075.555)	(223.163.648.140)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	50		60.005.588.031	(19.174.772.362)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐAU NĂM	60		14.372.820.418	33.547.123.872
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(13.471)	468.908
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	74.378.394.978	14.372.820.418

3995
ÔNG
YHIEM
MTC
VIET
HINH
CANH
NG-

TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG
Người lập biểu

TRẦN KIM UYÊN
Kê toán trưởng



NGUYỄN THANH XUÂN
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tổng hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Mua bán lương thực, sản phẩm chăn nuôi;
- Mua bán nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, dịch vụ cung cấp vật nuôi;
- Mua bán lúa giống, thóc, ngô, lúa mì, hạt ngũ cốc khác;
- Xay sát, sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất thức ăn chăn nuôi thủy sản;
- Mua bán thịt gia súc, gia cầm đã qua giết mổ, sản xuất, chế biến và bảo quản thịt;
- Sơ chế gỗ; sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Các chi nhánh trực thuộc

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Xuất khẩu Lương Thực	Số 2045 Trần Hưng Đạo, khóm Thạnh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Chế biến lương thực
Chi nhánh Xí nghiệp Thức Ăn Chăn nuôi Thủy Sản	Khóm Đông Thạnh B, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Thức ăn gia súc
Chi nhánh Xí nghiệp Đông lạnh Thủy sản Aflix (*)	Ấp Vĩnh Thuận, Xã Vĩnh Thạnh Trung, H. Châu Phú, tỉnh An Giang	Thủy sản Đông Lạnh
Chi nhánh Xí nghiệp Chế biến Lâm Súc Sản	Khóm Đông Thạnh B, P. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Chế biến lâm súc sản
Chi nhánh Trại chăn nuôi Vĩnh Khánh	Ấp Trung Bình Tiến, Xã Vĩnh Trạch, H. Thoại Sơn, tỉnh An Giang	Chăn nuôi
Ban quản lý dự án Khu dân cư TTTM Nam Châu Đốc	Ấp Mỹ Chánh, Xã Mỹ Đức, H. Châu Phú, tỉnh An Giang	Bất động sản
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	421/35 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ

(*) Chi nhánh Xí nghiệp Đông lạnh Thủy sản AFLEX đã chấm dứt hoạt động vào ngày 22 tháng 11 năm 2017 theo Thông báo của Phòng Đăng Ký Kinh Doanh số 16470/17 ngày 22 tháng 11 năm 2017.

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Thương Mại Sài Gòn – An Giang	12 Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh siêu thị	15%	15%	15%
Công ty TNHH Sài Gòn – Châu Đốc	Tổ 21, Khóm Châu Quới 3, Phường Châu Phú B, TP Châu Đốc, Tỉnh An Giang	Kinh doanh bất động sản	25%	25%	25%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được so sánh với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 259 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 431 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - + Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ tối đa không quá 10 năm kể từ khi Công ty Cổ phần thực hiện phân bổ.

Chi phí khác chờ phân bổ

Chi phí khác chờ phân bổ như: đàn heo mẹ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng thực tế là 80 tháng.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

995
NG T
HIỆM
MTC
VIỆT
NH
ÂN
NG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao

Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 50 năm
Máy móc thiết bị	06 – 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
Tài sản cố định khác	04 – 25 năm

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản

Thời gian khấu hao

Nhà cửa, vật kiến trúc	17 năm
Quyền sử dụng đất	20 – 30 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

002-C
Y
TƯ HẠN
ẤN
NAM
ÁNH
HƠ
TP. C.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất có thời hạn khấu hao từ 25 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.



4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong năm 2017, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

4.17 Quỹ tiền lương

Trong năm, Công ty đã trích chi phí tiền lương thực hiện năm 2017 theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội “Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước”.

4.18 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Trong năm, Công ty trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo mức lương và phụ cấp của Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2013.

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương cơ bản vào chi phí là: 18% của 5 tháng đầu năm 2017, 17,5% từ sau ngày 01 tháng 06 năm 2017 và 8% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là: 3% và 1,5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là: 1% và 1% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương cơ bản vào chi phí là: 2%.

4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



4.20 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty/đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty Lương thực miền Nam – Công ty TNHH MTV	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Sài Gòn – Châu đốc	Công ty liên doanh
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt - VND	2.660.391.519	2.634.425.434
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.618.003.459	10.819.294.984
- VND	1.473.054.675	10.682.481.656
- EUR (*)	7.044.561	6.505.894
- USD (*)	137.904.223	130.307.434
Các khoản tương đương tiền - VND (**)	70.100.000.000	919.100.000
	74.378.394.978	14.372.820.418

(*) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- EUR	260,83	7.044.561
- USD	6.082,76	137.904.223
		144.948.784

(**) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng sau:

Tên Ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền VND
Ngân hàng TMCP Quốc Dân – Chi nhánh An Giang	31 ngày và 32 ngày	5,5%/năm	9.150.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh An Giang	31 ngày	5,5%/năm	5.500.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh An Giang	31 ngày và 32 ngày	5,5%/năm	29.790.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Chi nhánh An Giang	31 ngày và 32 ngày	5,5%/năm	13.340.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang	31 ngày và 32 ngày	5,5%/năm	7.020.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	3 tháng	5,5%/năm	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	3 tháng	5,3%/năm	300.000.000
			70.100.000.000

5.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty TNHH Thương Mại Sài Gòn – An Giang	6.900.000.000	-	(*)	6.900.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Sài Gòn – Châu Đốc	18.750.000.000	-	(*)	18.750.000.000	-	(*)
	25.650.000.000	-		25.650.000.000	-	

(*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Thương Mại Sài Gòn - An Giang	37.303.306	59.018.606
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty TNHH MTV	477.774.784	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Cửa hàng Hoàng Quý	2.672.439.233	4.954.358.026
Công ty TNHH Thanh Nguyên	1.726.429.440	2.146.429.440
Công ty TNHH Cargill Việt Nam	1.223.289.503	4.250.769.685
Công ty TNHH Lâm Gia Huỳnh Đệ	-	2.049.379.055
Ông Trần Quang Khải	4.934.040.690	-
Công ty TNHH Lương Thực Đức Thịnh	5.658.800.000	-
Các khách hàng khác	12.491.420.168	14.395.066.531
	29.221.497.124	27.855.021.343

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty TNHH Chế Biến Lương Thực Trường Thắng	-	3.332.000.000
Công ty TNHH Phát Triển	-	828.000.000
Công ty TNHH Phước Thạnh	979.672.500	979.672.500
Các khách hàng khác	583.930.936	606.103.126
	1.563.603.436	5.745.775.626

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Phải thu các hộ nông dân tiền đầu tư chi phí sản xuất mì và cấp hộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	234.774.375	-	368.241.668	-
Lãi dự thu của các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	111.093.751	-	4.079.173	-
Tạm ứng nội bộ cho hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	326.021.117	-
Công ty TNHH Thanh Nguyên – Phải thu về lãi bán hàng chậm trả	605.238.149	(605.238.149)	605.238.149	(423.666.704)
Phải thu ngắn hạn khác	86.195.056	-	181.928.589	-
	1.037.301.331	(605.238.149)	1.485.508.696	(423.666.704)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu tiền đặt cọc thuê nhà	60.000.000	-	60.000.000	-

5.6 Nợ xấu

		31/12/2017		01/01/2017	
Thời gian quá hạn		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác					
Công ty cổ phần Việt An	Trên 3 năm	3.172.603.989	-	3.172.603.989	553.557.142
Công ty TNHH Thanh Nguyên	Trên 3 năm	2.331.667.589	-	2.751.667.589	825.500.277
Công ty TNHH Phước Thạnh	Trên 3 năm	979.672.500	-	979.672.500	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	-	-	172.465.181	19.233.935
		6.483.944.078	-	7.076.409.259	1.398.291.354

Tình hình biến động dự phòng nợ khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Trả trước cho người bán VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	(4.664.167.854)	(1.013.950.051)	(5.678.117.905)
Trích lập dự phòng	(840.103.724)	-	(840.103.724)
Hoàn nhập dự phòng	-	34.277.551	34.277.551
Tại ngày 31/12/2017	(5.504.271.578)	(979.672.500)	(6.483.944.078)

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	74.677.238.059	-	114.447.019.031	-
Công cụ dụng cụ	3.642.607.662	-	3.615.511.736	-
Chi phí SXKD dở dang	10.648.899.673	(398.138.255)	10.626.504.958	-
Thành phẩm	12.866.029.865	-	69.924.124.982	(2.017.142.606)
Thành phẩm bất động sản	12.679.574.569	-	21.341.103.313	-
Hàng hóa	9.628.715.566	-	37.201.645.415	(432.467.440)
Hàng gửi đi bán	-	-	42.198.281	-
	124.143.065.394	(398.138.255)	257.198.107.716	(2.449.610.046)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị hàng tồn kho đang được thế chấp tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Cần Thơ với tổng giá trị là 4 triệu USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
 Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí làm hàng, giao nhận, ủy thác xuất khẩu	86.191.950	167.130.000
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	607.243.459	613.179.523
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	120.377.364	110.635.253
Bao bì, vật liệu chờ phân bổ	-	135.383.830
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	456.453.202	420.298.991
	1.270.265.975	1.446.627.597

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	26.872.448.284	32.529.805.816
Giá trị đàn heo chờ phân bổ	2.292.558.911	2.158.563.342
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.061.635.872	1.114.018.014
	30.226.643.067	35.802.387.172

(*) Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ trong vòng 10 năm. Tổng giá trị lợi thế kinh doanh đã phân bổ theo Thông tư 138/2012/TT-BTC đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 29.701.127.043 VND.

JOAAB
CƠ
RÁCH N
KIẾ
AFC
CHI
C
1/ RAI

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.9 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2017	147.192.750.892	180.876.448.706	25.245.290.315	4.008.905.948	3.382.690.988	360.706.086.849
Mua sắm trong năm	-	1.146.990.545	622.892.000	66.235.000	-	1.836.117.545
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.577.277.272	-	65.995.000	-	-	1.643.272.272
Thanh lý, nhượng bán	(26.625.020.480)	(60.659.045.233)	(5.103.338.837)	(550.158.698)	(320.000.000)	(93.257.563.248)
Vào ngày 31/12/2017	122.145.007.684	121.364.394.018	20.830.838.478	3.524.982.250	3.062.690.988	270.927.913.418
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2017	107.563.557.506	138.103.109.586	21.342.423.475	2.864.398.106	1.995.087.143	271.868.575.816
Khấu hao trong năm	4.619.758.409	8.107.890.270	1.019.150.295	313.786.491	118.724.178	14.179.309.643
Thanh lý, nhượng bán	(21.890.189.905)	(45.725.604.661)	(4.875.459.516)	(501.235.200)	(313.394.558)	(73.305.883.840)
Vào ngày 31/12/2017	90.293.126.010	100.485.395.195	17.486.114.254	2.676.949.397	1.800.416.763	212.742.001.619
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2017	39.629.193.386	42.773.339.120	3.902.866.840	1.144.507.842	1.387.603.845	88.837.511.033
Vào ngày 31/12/2017	31.851.881.674	20.878.998.823	3.344.724.224	848.032.853	1.262.274.225	58.185.911.799
Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Vào ngày 01/01/2017	42.396.950.871	44.382.398.750	13.848.665.901	1.555.558.806	1.105.377.570	103.288.951.898
Vào ngày 31/12/2017	45.526.390.404	41.508.148.059	10.981.844.543	1.190.116.926	993.353.170	100.199.853.102
Giá trị còn lại của tài sản cố định đem thế chấp các khoản vay:						
Vào ngày 01/01/2017	25.270.270.756	27.638.222.111	2.909.346.715	989.683.415	792.543.064	57.600.066.061
Vào ngày 31/12/2017	11.343.847.021	13.386.801.352	-	-	713.310.110	25.443.958.483

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2017	53.705.371.105	258.393.870	53.963.764.975
Thanh lý, nhượng bán	(6.390.822.630)	-	(6.390.822.630)
Vào ngày 31/12/2017	<u>47.314.548.475</u>	<u>258.393.870</u>	<u>47.572.942.345</u>
Khấu hao trong năm			
Vào ngày 01/01/2017	751.852.416	201.250.108	953.102.524
Khấu hao trong năm	510.146.003	21.605.731	531.751.734
Vào ngày 31/12/2017	<u>1.261.998.419</u>	<u>222.855.839</u>	<u>1.484.854.258</u>
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2017	52.953.518.689	57.143.762	53.010.662.451
Vào ngày 31/12/2017	<u>46.052.550.056</u>	<u>35.538.031</u>	<u>46.088.088.087</u>
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Vào ngày 01/01/2017	-	92.195.940	92.195.940
Vào ngày 31/12/2017	-	<u>92.195.940</u>	<u>92.195.940</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định vô hình đem thế chấp các khoản vay của Công ty:			
Vào ngày 01/01/2017	39.316.880.922	-	39.316.880.922
Vào ngày 31/12/2017	<u>41.364.781.757</u>	-	<u>41.364.781.757</u>

5.11 Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2017	16.137.653.892
Vào ngày 31/12/2017	<u>16.137.653.892</u>
Khấu hao trong năm	
Vào ngày 01/01/2017	12.168.056.148
Khấu hao trong năm	968.259.237
Vào ngày 31/12/2017	<u>13.136.315.385</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2017	3.969.597.744
Vào ngày 31/12/2017	<u>3.001.338.507</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2017	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định					
Máy lau bóng CBL-10C-Bình Hòa	-	284.463.000	(284.463.000)	-	-
Máy lau bóng-Mỹ Thới	-	299.273.000	(299.273.000)	-	-
Bộ chiết béo tự động 2 chỗ	-	169.400.000	(169.400.000)	-	-
Xe BenZ	-	249.928.000	(249.928.000)	-	-
Hệ thống cân tự động TC.40	-	378.000.000	(378.000.000)	-	-
Xe tải	-	372.964.000	(372.964.000)	-	-
Các công trình khác	-	82.089.545	(82.089.545)	-	-
Xây dựng cơ bản					
Dự án mở rộng Trung tâm Thương mại Nam Châu Đốc	15.685.612.371	17.790.182	-	-	15.703.402.553
Các công trình khác	17.038.000	1.708.572.272	(1.643.272.272)	(82.338.000)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định					
Gia cố bờ giữa ao 1,2 VNPT	50.964.000	85.969.500	-	(136.933.500)	-
Sửa quạt băng chuyền IQF Seare	54.310.000	8.800.000	-	(63.110.000)	-
Các công trình khác	10.030.000	815.395.878	-	(821.789.514)	3.636.364
	15.817.954.371	4.472.645.377	(3.479.389.817)	(1.104.171.014)	15.707.038.917

HO * HHH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần HUM	2.717.651.800	4.726.132.000
Công ty TNHH Bột Mì Đại Phong	2.112.500.000	2.520.000.000
Các nhà cung cấp khác	7.952.152.286	8.039.894.822
	12.782.304.086	15.286.026.822

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH MTV Thương Mại Và Dịch Vụ Mỹ Thề	-	5.000.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Thành Tín	-	19.880.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Intimex	-	6.800.000.000
Ông Trương Văn Sẻ (Bình Hòa)	288.297.865	-
Bà Bạch Thủy Kiều Phương	358.423.928	-
Nguyễn Văn Hai - Hoa (An Phú)	304.100.966	-
BQL DADTXD Huyện Châu Thành	285.100.000	-
Các khách hàng khác	1.304.858.134	2.127.196.805
	2.540.780.893	33.807.196.805

5.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2017		Số phát sinh trong năm		31/12/2017	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT đầu ra	470.464.458	-	5.670.011.035	(6.032.212.645)	108.262.848	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.727.407.068	(1.727.407.068)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	788.632.236	(788.632.236)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.500.000	1.326.639.137	(1.082.633.020)	241.506.117	-
Thuế thu nhập cá nhân	108.958.092	-	292.967.371	(340.718.360)	61.207.103	-
Thuế tài nguyên	1.281.600	-	12.100.640	(7.623.600)	5.758.640	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	3.110.616.983	(3.110.616.983)	-	-
Thuế và các khoản phải nộp khác	-	-	86.141.305	(86.141.305)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.643.539	(5.643.539)	-	-
	580.704.150	2.500.000	13.020.159.314	(13.181.628.756)	416.734.708	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ trong nước là không chịu thuế, 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đang áp dụng thuế suất phổ thông 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuế Thu nhập doanh nghiệp “TNDN” hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.463.895.901	8.578.176.136
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.302.781.923	43.450.772
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.362.023.169)	(1.981.003.060)
- Các khoản không tính thuế	2.175.552.199	5.138.371.605
Tổng thu nhập chịu thuế	14.229.102.456	1.502.252.243
Chuyển lỗ các năm trước	(14.229.102.456)	(1.502.252.243)
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm trước	-	(2.500.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	(2.500.000)

Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh bất động sản

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.951.227.730	(1.082.940.726)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.368.066.708	1.981.003.060
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.008.428.972)	(46.389.092)
- Các khoản không tính thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	8.310.865.466	851.673.242
Chuyển lỗ từ các năm trước	(1.677.669.780)	(851.673.242)
Thu nhập tính thuế TNDN	6.633.195.686	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp thừa các năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.326.639.137	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.326.639.137	-

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trích trước chi phí nhân công, tiền lương, tiền ăn giữa ca	-	2.126.114.659
Trích trước chi phí lãi vay	11.376.376	198.629.930
Trích trước phí vận chuyển	103.274.540	358.721.205
Trích trước tiền thù lao của HĐQT và BKS	384.000.000	-
Trích trước các khoản chi phí khác	120.049.185	333.079.561
	618.700.101	3.016.545.355

304A
C
ACH
KI
PC
CH
C
RAN

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	46.852.330	33.774.080
Bảo hiểm xã hội	298.301.550	439.063.040
Bảo hiểm y tế	52.641.450	75.991.680
Bảo hiểm thất nghiệp	23.396.200	33.774.080
Phải trả về cổ phần hóa	435.857.100	435.857.100
Phải trả khác	200.551.800	1.746.495.498
	1.057.600.430	2.764.955.478

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	454.500.000	743.000.000

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay Ngắn hạn ngân hàng, tổ chức và các cá nhân khác				
Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh An Giang	3.123.380.853	3.123.380.853	44.623.692.035	44.623.692.035
Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh An Giang	4.386.514.220	4.386.514.220	15.005.540.425	15.005.540.425
Ngân hàng BIDV – Chi nhánh An Giang	-	-	29.385.268.507	29.385.268.507
Ngân hàng HSBC – Chi nhánh Cần Thơ	2.460.000.000	2.460.000.000	21.856.358.314	21.856.358.314
Vay ngắn hạn cá nhân	2.095.516.825	2.095.516.825	4.663.628.172	4.663.628.172
	12.065.411.898	12.065.411.898	115.534.487.453	115.534.487.453

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiết về số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

		01/01/2017 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2017 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác					
Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh An Giang - VND	(a)	44.623.692.035	327.943.673.470	(369.443.984.652)	3.123.380.853
Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh An Giang - USD		-	4.301.538.500	(4.301.538.500)	-
Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh An Giang	(b)	15.005.540.425	173.985.270.982	(184.604.297.187)	4.386.514.220
Ngân hàng BIDV – Chi nhánh An Giang		29.385.268.507	46.201.689.392	(75.586.957.899)	-
Ngân hàng HSBC – Chi nhánh Cần Thơ	(c)	21.856.358.314	30.060.279.437	(49.456.637.751)	2.460.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân	(d)	4.663.628.172	12.072.115.653	(14.640.227.000)	2.095.516.825
		115.534.487.453	594.564.567.434	(698.033.642.989)	12.065.411.898

(a) Đây là khoản vay của Hợp đồng cho vay hạn mức số 87/2017-HĐCVHM/NHCT740-AFIEX ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang với chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	:	100.000.000.000 VND
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động, mở L/C, bảo lãnh phục vụ kế hoạch kinh doanh lương thực (gạo), sản xuất thức ăn chăn nuôi và gỗ.
Thời hạn vay	:	Từ 04 đến 06 tháng.
Lãi suất vay	:	Theo từng khế ước nhận nợ
Hình thức đảm bảo	:	Thế chấp tài sản.
Giá trị tài sản thế chấp	:	Giá trị còn lại của Tài sản được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày 31/12/2017 là 36.396.257.432 VND.

(b) Đây là khoản vay của Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 832/2017/VCB.AGI ngày 08 tháng 08 năm 2017 kèm Hợp đồng cấp tín dụng số 488/2017/VCB.AGI ngày 15 tháng 05 năm 2017, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 08 tháng 08 năm 2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh An Giang với chi tiết như sau:

Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi.
Hạn mức tín dụng	:	100.000.000.000 VND
Thời hạn vay	:	Tối đa 06 tháng
Phương thức cho vay	:	Cho vay theo hạn mức
Lãi suất vay	:	Theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi theo từng Giấy nhận nợ.
Hình thức đảm bảo	:	Thế chấp tài sản.
Giá trị tài sản thế chấp	:	Giá trị còn lại của Tài sản được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày 31/12/2017 là 19.392.676.270 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(c) Đây là khoản vay của Thỏa thuận chung về tiền ích số VNM 150704 ngày 10 tháng 04 năm 2015 và bản sửa đổi số 01 số VNM 152250 ngày 13 tháng 04 năm 2016 và bản sửa đổi số 02 số VNM 161424 ngày 07 tháng 09 năm 2016 của Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Cần Thơ với các chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	:	7.900.000 USD quy đổi VND tương đương.
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh.
Thời hạn vay	:	Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể/ Cam kết bảo lãnh/ L/C được phát hành (Tối đa 120 ngày).
Lãi suất vay	:	Quy định theo từng khế ước nhận nợ.
Hình thức đảm bảo	:	Thế chấp tài sản cố định, các khoản phải thu và hàng hóa trong kho.
Giá trị tài sản thế chấp	:	Giá trị còn lại của Trụ Sở Văn phòng Công ty được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày 31/12/2017 là 4.108.101.526 VND. Và Thế chấp các khoản phải thu 4 triệu USD, giá trị hàng hóa trong kho 4 triệu USD.

(d) Đây là khoản vay cá nhân với lãi suất bằng với lãi suất thị trường theo từng thời điểm vay vốn. Thời hạn cho vay không quá 12 tháng. Phương thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2017 VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2017 VND
Quỹ khen thưởng	758.913.084	(390.000.000)	368.913.084
Quỹ phúc lợi	5.287.646	-	5.287.646
	764.200.730	(390.000.000)	374.200.730

5.20 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	350.000.000.000	4.875.078.692	2.002.602.581	(16.212.622.467)	340.665.058.806
Lãi trong năm	-	-	-	7.495.235.410	7.495.235.410
Tại ngày 31/12/2016	350.000.000.000	4.875.078.692	2.002.602.581	(8.717.387.057)	348.160.294.216
Tại ngày 01/01/2017	350.000.000.000	4.875.078.692	2.002.602.581	(8.717.387.057)	348.160.294.216
Lãi trong năm	-	-	-	23.088.484.494	23.088.484.494
Tại ngày 31/12/2017	350.000.000.000	4.875.078.692	2.002.602.581	14.371.097.437	371.248.778.710

5.20.2 Chi tiết vốn góp đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước (SCIC)	178.500.000.000	51,00	178.500.000.000	51,00
Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	71.816.500.000	20,52	71.816.500.000	20,52
Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang	30.187.500.000	8,63	30.187.500.000	8,63
Các cổ đông khác	69.496.000.000	19,85	69.496.000.000	19,85
	350.000.000.000	100,00	350.000.000.000	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.20.3 Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	35.000.000	35.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

5.21 Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2017	01/01/2017
Euro (EUR)	260,83	271,75
Dollar Mỹ (USD)	6.082,76	5.735,32

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng Doanh thu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu hàng hóa, thành phẩm	842.901.128.613	1.083.560.252.575
Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.170.942.531	117.487.372.850
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	13.334.589.186	6.028.435.459
	909.406.660.330	1.207.076.060.884

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	9.564.765.290	195.443.270.246
Công ty TNHH Thương Mại Sài Gòn – An Giang	954.607.950	1.082.361.122
	10.519.373.240	196.525.631.368

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chiết khấu thương mại	11.420.051.147	14.792.302.102
Hàng bán bị trả lại	730.465.540	990.740.702
	12.150.516.687	15.783.042.804

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	788.311.076.380	1.010.755.911.975
Giá vốn của dịch vụ	48.763.852.574	108.418.222.125
Giá vốn kinh doanh bất động sản	8.661.528.744	3.881.921.620
Trích/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.051.471.791)	338.823.868
	843.684.985.907	1.123.394.879.588

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	269.063.303	67.982.538
Lãi góp vốn liên doanh	2.175.552.199	5.138.371.605
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh	59.130.674	1.946.495.909
Lãi chênh lệch do đánh giá lại ngoại tệ	-	934.058
Lãi trễ hạn thanh toán	646.191.489	562.079.944
Lãi khác	-	18.877.915
	3.149.937.665	7.734.741.969

6.5 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	5.673.233.155	16.018.671.642
Chiết khấu thanh toán	4.279.203.732	5.049.754.441
Lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh	41.529.433	1.498.693.531
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ	224.223	-
	9.994.190.543	22.567.119.614

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	5.397.437.826	7.653.329.254
Chi phí vật liệu, bao bì	265.293.457	3.333.219.611
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	128.751.551	223.017.407
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.870.024.945	1.969.438.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.963.787.700	20.246.164.055
Chi phí bán hàng khác	3.863.573.663	4.892.851.385
	26.488.869.142	38.318.020.009

4489
CỘNG HÒA
KIỂM
RC VI
CHÍNH
CÁI
PANG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.680.413.060	3.795.333.724
Chi phí đồ dùng văn phòng	124.961.739	138.309.498
Chi phí khấu hao TSCĐ	571.252.643	522.801.037
Chi phí thuế, lệ phí	110.757.573	89.173.433
Chi phí dự phòng	956.372.653	(5.313.551.161)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	608.127.581	703.311.340
Chi phí quản lý khác	8.409.832.340	10.243.772.632
Trong đó: Chi phí giá trị lợi thế kinh doanh	5.657.357.532	5.657.357.532
	15.461.717.589	10.179.150.503

6.8 Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi từ hoạt động thanh lý tài sản cố định	18.068.942.397	1.434.146.363
Thu từ hoạt động thanh lý	45.164.909.091	1.434.146.363
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(27.095.966.694)	-
Lãi từ bán heo loại, công cụ lao động	1.867.795.958	1.034.180.828
Thu nhập từ bồi thường hao hụt	373.521.286	848.531.815
Thu nhập từ chiết khấu hàng hóa	139.779.000	93.544.902
Bồi thường, phạt vi phạm	110.400.000	581.238.781
Thu nhập khác	51.184.350	92.322.376
	20.611.622.991	4.083.965.065

6.9 Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá trị còn lại của heo loại, công cụ lao động	539.781.619	225.069.240
Bồi thường hao hụt hàng hóa	345.498.390	790.004.810
Chi phí khác	87.537.478	142.245.940
	972.817.487	1.157.319.990

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.088.484.494	7.495.235.410
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.088.484.494	7.495.235.410
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	35.000.000	35.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	660	214

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	644.170.996.564	1.092.817.294.825
Chi phí nhân công	46.923.072.853	58.553.966.811
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.679.320.614	18.225.624.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.331.029.272	70.440.774.517
Chi phí khác	16.196.960.566	18.928.888.229
	774.301.379.869	1.258.966.548.564

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	594.564.567.434	892.850.283.448

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	698.033.642.989	1.116.013.627.588

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Các khoản vay và nợ	12.065.411.898	-	12.065.411.898
Phải trả người bán, phải trả khác	12.982.855.886	454.500.000	13.437.355.886
Chi phí phải trả	618.700.101	-	618.700.101
	25.666.967.885	454.500.000	26.121.467.885
Ngày 01 tháng 01 năm 2017			
Vay và nợ	115.534.487.453	-	115.534.487.453
Phải trả người bán, phải trả khác	17.615.125.200	743.000.000	18.358.125.200
Chi phí phải trả	3.016.545.355	-	3.016.545.355
	136.166.158.008	743.000.000	136.909.158.008

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai và các khoản đầu tư của mình vào các khoản vay. (Thuyết minh số 5.7, 5.9 và 5.10).

Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2017 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
Phải thu khách hàng	23.807.385.605	23.555.501.587	23.807.385.605	23.555.501.587
Phải thu các bên liên quan	515.078.090	59.018.606	515.078.090	59.018.606
Các khoản phải thu khác	492.063.182	1.121.841.992	492.063.182	1.121.841.992
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư ngắn hạn	-	71.063.500	-	71.063.500
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.378.394.978	14.372.820.418	74.378.394.978	14.372.820.418
Tổng cộng	99.192.921.855	39.180.246.103	99.192.921.855	39.180.246.103
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	12.065.411.898	115.534.487.453	12.065.411.898	115.534.487.453
Phải trả người bán	12.782.304.086	15.286.026.822	12.782.304.086	15.286.026.822
Phải trả khác	655.051.800	3.072.098.378	655.051.800	3.072.098.378
Chi phí phải trả	618.700.101	3.016.545.355	618.700.101	3.016.545.355
Tổng cộng	26.121.467.885	136.909.158.008	26.121.467.885	136.909.158.008

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương và thưởng	968.940.000	1.084.500.000

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch và số dư với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	954.607.950	1.082.361.122
Lãi góp vốn liên doanh	2.175.552.199	5.138.371.605
Tăng vốn liên doanh từ lợi nhuận được chia bổ sung	-	2.400.000.000

Công nợ với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết:

Công nợ phải thu với công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	37.303.306	59.018.606

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty TNHH MTV		
Phí giao nhận, phí ủy thác	74.450.407	1.374.806.259
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.564.765.290	195.443.270.246

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công nợ phải thu với bên liên quan khác như sau:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty TNHH MTV		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	477.774.784	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, không có số dư công nợ phải trả giữa Công ty với các bên có liên quan khác.

9.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

9.2.1 Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Hoạt động kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản
- Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ VND	Cộng VND
Năm 2017			
Doanh thu thuần	830.750.611.926	66.505.531.717	897.256.143.643
Chi phí phân bổ	786.259.604.589	57.425.381.318	843.684.985.907
Kết quả kinh doanh bộ phận	44.491.007.337	9.080.150.399	53.571.157.736
Chi phí không phân bổ	-	-	(41.950.586.731)
Thu nhập hoạt động tài chính	-	-	3.149.937.665
Chi phí hoạt động tài chính	-	-	(9.994.190.543)
Thu nhập khác	-	-	20.611.622.991
Chi phí khác	-	-	(972.817.487)
Lợi nhuận trước thuế	-	-	24.415.123.631
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	(1.326.639.137)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	-	23.088.484.494
Vào ngày 31/12/2017			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	235.856.925.592	32.923.042.102	268.779.967.694
Tài sản không phân bổ	-	-	134.871.098.588
Tổng tài sản	235.856.925.592	32.923.042.102	403.651.066.282
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	78.418.853.944	29.097.942.178	107.516.796.122
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	(75.114.508.550)
Tổng nợ phải trả	78.418.853.944	29.097.942.178	32.402.287.572

002-C
TƯ HẠN
N
NAM
NH
J
CÁI L

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Hoạt động kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ VND	Cộng VND
Năm 2016			
Doanh thu thuần	1.067.777.209.771	123.515.808.309	1.191.293.018.080
Chi phí phân bổ	1.011.094.735.843	112.300.143.745	1.123.394.879.588
Kết quả kinh doanh bộ phận	56.682.473.928	11.215.664.564	67.898.138.492
Chi phí không phân bổ	-	-	(48.497.170.512)
Thu nhập hoạt động tài chính	-	-	7.734.741.969
Chi phí hoạt động tài chính	-	-	(22.567.119.614)
Thu nhập khác	-	-	4.083.965.065
Chi phí khác	-	-	(1.157.319.990)
Lợi nhuận trước thuế	-	-	7.495.235.410
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	-	7.495.235.410
Vào ngày 01/01/2017			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	394.871.141.959	45.726.865.367	440.598.007.326
Tài sản không phân bổ	-	-	82.599.802.390
Tổng tài sản	394.871.141.959	45.726.865.367	523.197.809.716
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	205.871.141.959	44.118.181.417	249.989.323.376
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	(74.951.807.876)
Tổng nợ phải trả	205.871.141.959	44.118.181.417	175.037.515.500

9.2.2 Thông tin về khu vực địa lý

Thông tin thuyết minh về khu vực địa lý bao gồm nội địa và xuất khẩu. Tuy nhiên doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng rất nhỏ nên Công ty không trình bày.

9.3 Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG
Người lập biểu



TRẦN KIM UYÊN
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH XUÂN
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2018